GC food
Safe Food - Happy Life

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C

2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát 6
Quá trình hình thành và phát triển 8
Các giải thưởng tiêu biểu 10
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 12
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 15
Định hướng phát triển 20
Các rủi ro 22

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 30
Tổ chức và nhân sự 32
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 44
Tình hình tài chính 45
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 48
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty 50

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 56
Tình hình tài chính 58
Kế hoạch phát triển trong tương lai 60
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 60
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán 60
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty 62



CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty 66
Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty 68
Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị 68

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị 72
Ban kiểm soát 75
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát 76

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán 82
Báo cáo tài chính kiểm toán 84

CHƯƠNG

01

Thông tin chung

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành phát triển

Các giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH
Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C

TÊN TIẾNG ANH
G.C Food Joint Stock Company

MÃ CỔ PHIẾU
GCF

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP SỐ
3602503768 do Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 31/05/2011, cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 26/12/2025

VỐN ĐIỀU LỆ
432.464.710.000 đồng

VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
574.843.710.000 đồng

Liên hệ

SỐ ĐIỆN THOẠI
08989920468

WEBSITE
www.gcfood.com.vn

ĐỊA CHỈ
Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hố Nai, Phường Hố Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

LOGO CÔNG TY



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2007

Tiền thân của Công ty là cơ sở kinh doanh nông sản tại Biên Hòa - Đồng Nai được thành lập.

2011

Thành lập Công ty TNHH Thực phẩm G.C, đồng thời xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Giang Điền với vốn điều lệ 2 tỷ đồng.

2007 - 2012

2012

Trở thành công ty chế biến và cung cấp nguyên liệu nha đam lớn nhất Việt Nam. Sản phẩm chính của Công ty thời điểm này là nha đam và sản lượng trên 2.000 tấn thành phẩm/năm.



2015

Tháng 5/2015: Thành lập công ty con Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt (Vietfarm), quản lý và vận hành nhà máy chuyên sản xuất nha đam tại tỉnh Ninh Thuận với công suất dự kiến là 3.600 tấn thành phẩm/năm. Nghiên cứu và phát triển thành công sản phẩm thạch dừa sạch, cung cấp cho cả thị trường trong nước và quốc tế.

2015 - 2017

2016

Tháng 11/2016: Thành lập công ty con thứ hai là Công ty TNHH Thực phẩm Dừa Cô Cô Việt Nam, xây dựng nhà máy rộng hơn 1ha tại khu công nghiệp Hố Nai, tỉnh Đồng Nai, chuyên chế biến các sản phẩm từ trái dừa, chủ yếu là thạch dừa các vị khác nhau và cùi dừa sấy khô với công suất dự kiến 10.000 tấn/năm.

2017

Chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH thành Công ty CP

2018

Tháng 04/2018: Hoàn thành giai đoạn 1 mở rộng nhà máy Cánh Đồng Việt, tăng gấp đôi sản lượng lên 8.000 tấn/năm và tạo việc làm cho hơn 100 lao động.

Tháng 07/2018: Thành lập Công ty cổ phần Nắng và Gió với quỹ đất ban đầu 20ha tập trung phát triển nông nghiệp hữu cơ. Công ty hiện đang trồng các loại cây như nha đam, dưa lưới, nho, táo, ổi và chăn nuôi bò, cừu với quy mô gần 1.000 con.

2018 - 2020

2020

Tháng 10/2020: Hoàn thành mở rộng nhà máy Cánh Đồng Việt giai đoạn 2 và đưa vào vận hành toàn bộ xưởng sản xuất nha đam VF6 với sản lượng 17.000 tấn/năm





2021

Tháng 06/2021: Công ty Cổ phần Nắng và Gió mở rộng quỹ đất lên 100ha, hướng tới mục tiêu chủ động nguồn nguyên liệu trong những năm tới.

2021 - 2022

2022

Ngày 20/09/2022: Công ty đã được UBCKNN công nhận là công ty đại chúng theo lộ trình minh bạch, nâng cao giá trị thương hiệu, mở rộng cơ hội hợp tác và phát triển.

Ngày 30/09/2022: Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là GCF.

Ngày 20/12/2022: Cổ phiếu GCF chính thức được giao dịch tập trung tại sàn UPCoM



2023

Ngày 21/04/2023: Công ty được Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu cho logo của GCF.

Công ty tăng vốn điều lệ lên 306.799.990.000 đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

2023 - 2024

2024

Sản phẩm Nha đam G.C Food là sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam.



2025

Chính thức trở thành công ty con của CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG

Sản phẩm nha đam của Công ty đạt chứng nhân tiêu chuẩn Kosher, một trong những tiêu chuẩn thực phẩm nghiêm ngặt và uy tín nhất thế giới.

Công ty tăng vốn điều lệ lên 432.464.710.000 đồng bằng các hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

2025 - Nay



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Đánh giá tổng thể

TOP 100 THƯƠNG HIỆU DẪN ĐẦU VIỆT NAM 2024
Bộ Công thương

TOP 100 THƯƠNG HIỆU UY TÍN
Bộ Công thương

TOP 200 SAO VÀNG ĐẤT VIỆT 2018 - 2019 - 2021 - 2024
Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Trung ương hội doanh nhân trẻ Việt Nam

GIẢI THƯỞNG SAO ĐỎ - DOANH NHÂN TRẺ VIỆT NAM TIÊU BIỂU 2018 - 2019 - 2021 - 2024
Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Trung ương Hội Doanh nhân trẻ Việt Nam

THƯƠNG HIỆU VÀNG NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM 2021
Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA 2024
Bộ Công Thương

Phát triển bền vững

THƯƠNG HIỆU BỀN VỮNG
Viện Khoa học phát triển nhân lực và Hợp tác quốc tế phối hợp cùng Trung tâm tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp phát triển bền vững

GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA 2022
Bộ Khoa học và Công nghệ

DOANH NGHIỆP CỐNG HIẾN - SÁNG TẠO
Tạp chí Nhịp cầu Đầu tư

Sản phẩm

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP QUỐC GIA NĂM 2014 – 2015 – 2021
Bộ Công thương

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP TỈNH NĂM 2019 – 2021
Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao

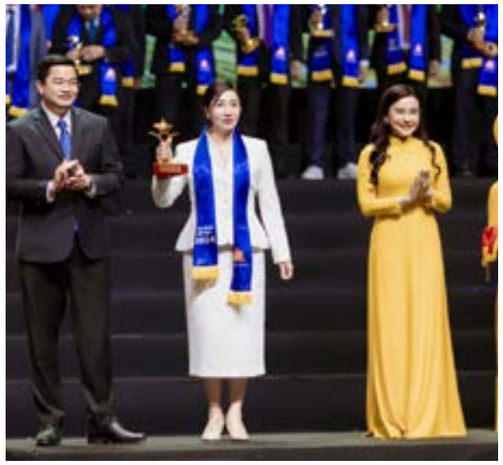
SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU CẤP QUỐC GIA NĂM 2014 – 2015 – 2021
Hội Doanh nghiệp Hàng Việt Nam chất lượng cao

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TIÊU BIỂU KHU VỰC PHÍA NAM NĂM 2020 – 2022
Cục Công thương địa phương – Bộ Công thương

SẢN PHẨM OCOP TIỀM NĂNG 5 SAO
Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông dân









NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Sản xuất và chế biến thực phẩm



Sau hơn 15 năm hình thành và phát triển, GC Food tự hào là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực vực sản xuất và chế biến thực phẩm, với các sản phẩm chủ lực đến từ nha đam và thạch dừa. Các sản phẩm của GC Food được cung ứng chủ yếu cho các doanh nghiệp ngành F&B, đóng vai trò là nguyên liệu đầu vào cho nhiều thương hiệu nước giải khát nha đam, sữa chua nha đam, sữa chua thạch dừa nổi tiếng.

Nhờ năng lực sản xuất ổn định, quy trình chế biến hiện đại và hệ thống kiểm soát chất lượng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, Công ty đã trở thành đối tác cung cấp nguyên liệu cho nhiều thương hiệu lớn trong và ngoài nước. Song song đó, GC Food cũng triển khai đóng gói và phân phối sản phẩm nha đam, thạch dừa mang thương hiệu riêng đến người tiêu dùng nội địa, từng bước gia tăng giá trị trong chuỗi sản xuất – chế biến – phân phối.

Trồng trọt và chăn nuôi



Không chỉ tập trung vào sản xuất và chế biến thực phẩm, G.C Food còn mở rộng sang lĩnh vực trồng trọt và chăn nuôi nhằm chủ động nguồn cung, nâng cao chất lượng nguyên liệu và giảm thiểu rủi ro từ biến động giá đầu vào. Hiện tại, Công ty đang phát triển các trang trại nha đam thuộc sở hữu riêng, giúp đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho hoạt động chế biến và tăng khả năng kiểm soát về tiêu chuẩn chất lượng. Bên cạnh nha đam, Công ty còn cung cấp các sản phẩm trái cây hữu cơ cho thị trường bán lẻ trong nước. Ở mảng chăn nuôi, G.C Food cũng chú trọng đầu tư vào hệ thống trang trại bò và nhà yến hiện đại, giúp đa dạng hóa nguồn nguyên liệu và tạo nền tảng cho việc hoàn thiện các dòng sản phẩm có giá trị gia tăng cao.





SẢN PHẨM

Nha đam và thạch nha đam

Nha đam hữu cơ của G.C Food được chế biến hoàn toàn từ 100% lá nha đam tươi, sạch và tự nhiên, được kiểm soát nghiêm ngặt từ khâu trồng trọt đến thu hoạch. Nhờ áp dụng quy trình canh tác hữu cơ và hệ thống quản lý chất lượng đồng bộ, sản phẩm đã đạt chứng nhận Organic USDA của Mỹ, bảo đảm tuân thủ các tiêu chuẩn hữu cơ quốc tế khắt khe. Công nghệ thanh trùng Pasteur được sử dụng trong toàn bộ quy trình sản xuất, giúp giữ trọn hương vị tự nhiên và đảm bảo độ an toàn tuyệt đối cho người tiêu dùng.

Bên cạnh sản phẩm nha đam hữu cơ, thạch nha đam cũng là dòng sản phẩm chủ lực của G.C Food, với sản lượng hơn 30.000 tấn thành phẩm mỗi năm cung ứng cho thị trường nội địa và quốc tế. Thạch được làm từ 100% lá nha đam tươi do Công ty trực tiếp quản lý vùng trồng và quy trình thu hoạch, nhờ đó đảm bảo chất lượng đồng nhất, an toàn và hoàn toàn không lẫn tạp chất. G.C Food còn chú trọng đổi mới sản phẩm bằng việc phát triển dòng thạch nha đam ngũ vị với các hương yến, dứa, vải, dâu và chanh dây, cùng sản phẩm sinh tố nha đam, mang đến nhiều lựa chọn phù hợp với nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Thạch nha đam của G.C Food nổi bật với độ giòn sần sật đặc trưng, hương thơm tự nhiên và vị ngọt thanh mát từ nước đường, tạo cảm giác sảng khoái khi thưởng thức. Không chỉ ngon miệng, sản phẩm còn tốt cho sức khỏe và hỗ trợ làm đẹp da, trở thành lựa chọn yêu thích của người tiêu dùng trong và ngoài nước.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

SẢN PHẨM

Thạch dừa non

Thạch dừa Vinacoco của GC Food là sản phẩm được tạo nên từ những gì tinh túy nhất của thiên nhiên, mang đến hương vị tươi mát và thơm ngon đặc trưng mà hiếm dòng thạch dừa nào có được. Sản phẩm được sản xuất tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam, nhà máy sản xuất thạch dừa lớn và hiện đại nhất cả nước, với năng lực cung ứng hơn 20.000 tấn thạch mỗi năm. Thạch dừa Vinacoco được làm từ 100% nước dừa tươi lên men, trải qua quy trình sản xuất khép kín cùng công nghệ thanh trùng Pasteur giúp giữ trọn hương vị tự nhiên và đảm bảo chất lượng an toàn tuyệt đối.

Quy trình sản xuất và sản phẩm đều đạt các chứng nhận quan trọng như VSATTP, FSSC 22000, HALAL mang đến sự yên tâm tối đa cho người tiêu dùng. Thạch dừa Vinacoco có độ giòn vừa phải, hương thơm tự nhiên, không dai, không bở, hòa quyện cùng vị ngọt thanh của nước đường, tạo cảm giác sảng khoái và dễ chịu khi thưởng thức. Sản phẩm không chỉ ngon miệng mà còn tốt cho tiêu hóa với nhiều hương vị để đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, thích hợp làm topping cho nước dừa, nước giải khát, sữa chua hay nhiều món tráng miệng khác. Với chứng nhận OCOP 4 sao - khẳng định chất lượng và giá trị thương hiệu, thạch dừa Vinacoco được phân phối rộng rãi trong nước và xuất khẩu đến hơn 20 quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc, Hà Lan, Tiểu vương quốc Ả Rập, Thái Lan... Trong đó, Nhật Bản và Hàn Quốc là hai thị trường nhập khẩu lớn với nhiều khách hàng là các thương hiệu lớn trong ngành sữa và nước giải khát.



Nông sản khác

G.C Food hiện là một trong số ít doanh nghiệp tại Việt Nam có khả năng cung ứng những loại trái cây hữu cơ thượng hạng như dưa lưới, nho xanh, nho hồng, táo mật và ổi, với chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế, tương đương các sản phẩm nhập khẩu. Riêng dưa lưới của G.C Food hiện chỉ đủ để phục vụ các resort 5 sao lớn và chưa thể đáp ứng phân phối ra thị trường rộng. Sản phẩm này được trồng trong nhà lưới, chăm sóc bằng hệ thống tưới nhỏ giọt và bón phân tự động, giúp cây phát triển đồng đều, cho trái chất lượng cao.





Sản phẩm khác



Bột gạo nguyên chất



Bột gạo lứt



Bột đậu xanh



Bột gạo đậu đỏ



Bột đậu đen



Mật ong

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Mạng lưới phân phối của GC Food được xây dựng rộng khắp, bao phủ cả thị trường nội địa lẫn xuất khẩu, giúp sản phẩm của công ty tiếp cận hiệu quả tới khách hàng và đối tác trên nhiều lãnh thổ.

Thị trường nội địa



Tại thị trường nội địa, GC Food là nhà cung cấp hàng đầu về nha đam và thạch dừa tại Việt Nam. Các sản phẩm của Công ty được phân phối đa kênh thông qua hệ thống siêu thị, nhà phân phối và các nền tảng thương mại điện tử, đồng thời cung cấp nguyên liệu trực tiếp cho các thương hiệu hàng đầu. Bên cạnh đó, Công ty chủ động phát triển kênh bán lẻ, đóng gói và phân phối trực tiếp tới người tiêu dùng, góp phần nâng cao trải nghiệm khách hàng và mở rộng phạm vi tiếp cận thị trường nội địa.

Thị trường xuất khẩu

Mở rộng mạng lưới xuất khẩu lên đến

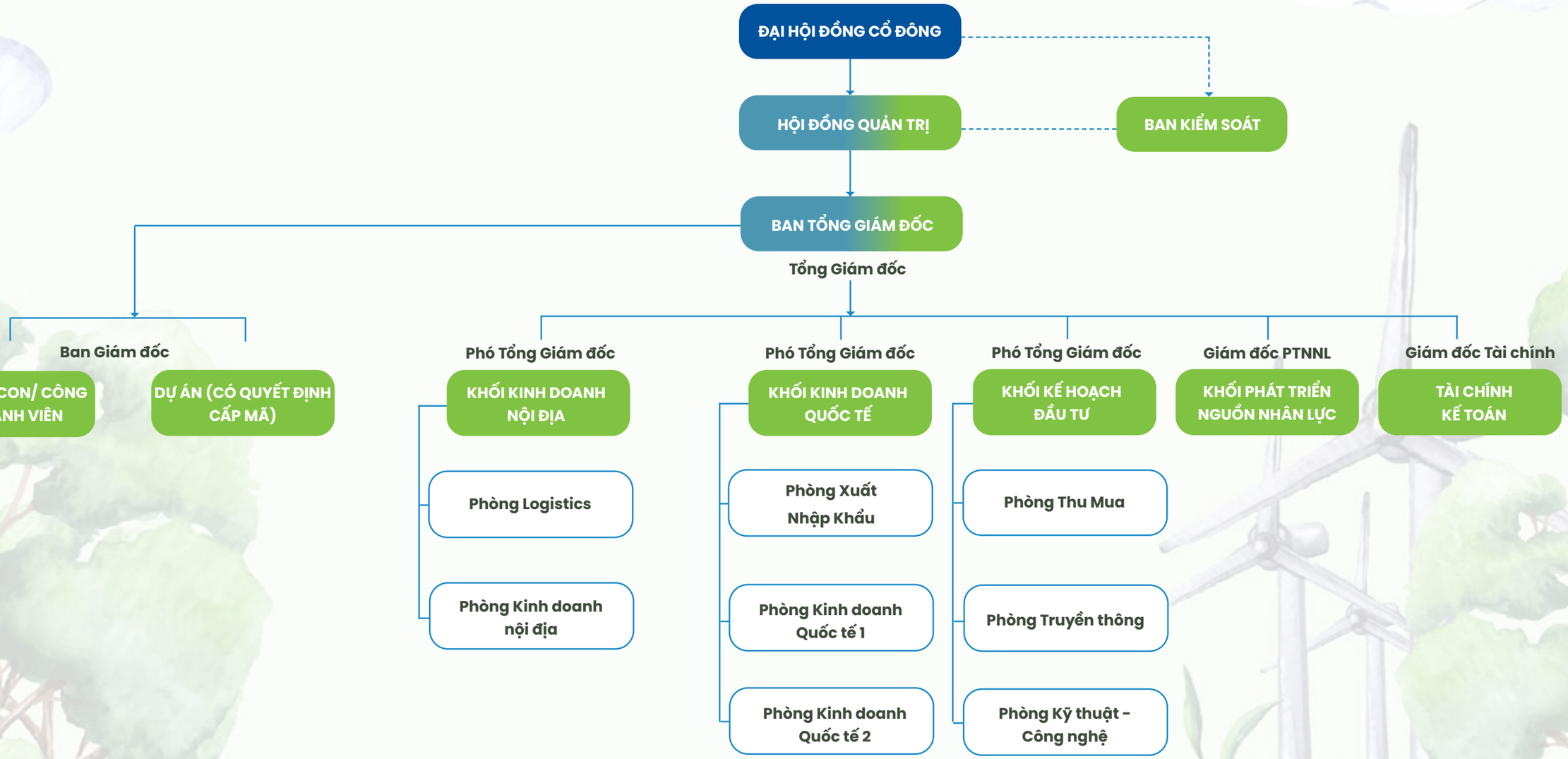
28 quốc gia

Trên thị trường xuất khẩu, GC Food sở hữu những sản phẩm chất lượng cao, được sản xuất theo các tiêu chuẩn nghiêm ngặt, đáp ứng đầy đủ các quy định quốc tế. Nhờ đó, Công ty đã mạnh mẽ mở rộng mạng lưới xuất khẩu từ 22 lên 28 thị trường chỉ trong vòng một năm. Bên cạnh các thị trường truyền thống như Nhật Bản và Hàn Quốc, doanh nghiệp đã thâm nhập thành công khu vực Nam Á gồm Ấn Độ, Sri Lanka, Bangladesh và Pakistan, đồng thời tái khởi động thị trường Trung Đông như Iran sau nhiều năm gián đoạn. Ở Đông Nam Á, các thị trường Indonesia, Malaysia và Thái Lan cũng đã quay trở lại với tín hiệu đơn hàng khá tích cực.

Với mạng lưới phân phối linh hoạt và chiến lược mở rộng bền vững, GC Food không ngừng củng cố vị thế là doanh nghiệp cung cấp trái cây và nguyên liệu thực phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của cả thị trường trong nước và quốc tế.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, được tổ chức thường niên mỗi năm một lần và có thể họp bất thường khi cần. ĐHĐCĐ có thẩm quyền quyết định các vấn đề quan trọng như nhân sự Hội đồng quản trị, chiến lược và kế hoạch phát triển, sửa đổi Điều lệ, phân phối cổ tức, lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập và các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có thẩm quyền thay mặt Công ty quyết định và thực hiện các quyền, nghĩa vụ không thuộc phạm vi quyết định của ĐHĐCĐ. HĐQT chịu trách nhiệm bảo đảm Công ty hoạt động đúng quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ; đồng thời phải tuân thủ nguyên tắc đối xử công bằng với mọi cổ đông và bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc tổ chức, điều hành mọi hoạt động của Công ty, bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, nâng cao hiệu quả kinh doanh và bảo vệ quyền lợi của Công ty, cổ đông cùng các bên liên quan. Đồng thời, Ban Điều hành có nhiệm vụ triển khai các chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát tính hợp pháp, hợp lý, trung thực và mức độ cẩn trọng trong toàn bộ hoạt động quản lý, điều hành và kinh doanh của Công ty. Ban thực hiện kiểm tra hệ thống kế toán, báo cáo tài chính; thẩm định báo cáo tài chính định kỳ của Công ty mẹ cũng như các đơn vị thành viên; đánh giá hiệu quả hoạt động của HĐQT để báo cáo ĐHĐCĐ và kiến nghị các giải pháp hoàn thiện công tác quản trị, điều hành Công ty.



CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt

Nhà máy Vietfarm chuyên sản xuất thạch nha đam và các sản phẩm về nha đam. Năng lực sản xuất: trên 30.000 tấn thạch/năm.

- **Địa chỉ:** QL1A, KCN Thành Hải, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa
- **Ngành, nghề:** Sản xuất chế biến nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành
- **Giá trị vốn góp của GCF:** 169.145.000.000 VNĐ
- **Tỷ lệ sở hữu của GCF:** 99,29%

Công ty Cổ phần Nắng và Gió

Trang trại Nắng và Gió trồng nha đam, dưa lưới, nho, táo, ổi,... đạt tiêu chuẩn Global GAP, theo hướng hữu cơ và cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhà máy Vietfarm. Diện tích đất canh tác: 200ha.

- **Địa chỉ:** Thôn Phú Thuận, Xã Mỹ Sơn, Tỉnh Khánh Hòa
- **Ngành, nghề:** Trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm
- **Giá trị vốn góp của GCF:** 88.000.000.000 VNĐ
- **Tỷ lệ sở hữu của GCF:** 88%

Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam

Nhà máy VinaCoco chuyên sản xuất thạch dừa và gia công các mặt hàng nông sản khác. Năng lực sản xuất: trên 20.000 tấn thạch/năm.

- **Địa chỉ:** Lô V-2E, đường số 11, Khu công nghiệp Hố Nai, Phường Hố Nai, Tỉnh Đồng Nai
- **Ngành, nghề:** Sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành
- **Giá trị vốn góp của GCF:** 119.800.000.000 VNĐ
- **Tỷ lệ sở hữu của GCF:** 99,5%

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Nước giải khát nhiệt đới Sài Gòn

Nhà máy được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo Quyết định số 42/QĐ-BQLKCN của Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Ninh Thuận. Hiện tại, nhà máy đang trong quá trình xây dựng.

- **Địa chỉ:** Lô A1 A2 KCN Thành Hải, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa
- **Ngành, nghề:** Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
- **Giá trị vốn góp của GCF:** 10.000.000.000 VNĐ
- **Tỷ lệ sở hữu của GCF:** 20%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Hướng tới mục tiêu trở thành tập đoàn thực phẩm hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh nha đam và thạch dừa, thông qua việc dẫn dắt thị trường, xây dựng chuỗi giá trị thực phẩm bền vững, hợp tác chặt chẽ với nông dân và tối ưu hiệu quả đầu tư.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG & DÀI HẠN

- Công ty đẩy mạnh chuẩn hóa quy trình, ứng dụng công nghệ và mở rộng quy mô sản xuất tại Nhà máy Cánh Đồng Việt nhằm hướng tới mục tiêu doanh thu 1.000 tỷ đồng vào năm 2028; đồng thời nâng cấp Nhà máy Vinacoco để đạt mục tiêu 500 tỷ đồng vào năm 2027.
- Doanh nghiệp tập trung phát triển hai vùng nguyên liệu trọng điểm theo mô hình chuỗi giá trị cung ứng bền vững, hợp tác với doanh nghiệp địa phương, hợp tác xã và nông dân tại vùng trồng nha đam Ninh Thuận và vùng dừa Bến Tre. Việc hợp tác bao gồm chuyển giao công nghệ, cung cấp giống, hỗ trợ tài chính, giúp nâng cao hiệu quả canh tác và phát triển vùng nguyên liệu ổn định.
- Doanh nghiệp tiếp tục hoàn thiện công nghệ, siết chặt kiểm soát chất lượng và tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm gia tăng năng suất, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và nâng cao lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- GC Food tập trung tối ưu hóa nguồn lực cho các lĩnh vực cốt lõi với hai dòng sản phẩm chủ lực là nha đam và thạch dừa, kết hợp mở rộng sang sản phẩm nước trái cây tự nhiên, khẳng định vị thế dẫn dắt tại thị trường nội địa và quốc tế thông qua mô hình kinh doanh B2B chuyên sâu.





CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

① G.C Food ưu tiên giảm thiểu tác động đến môi trường thông qua việc sử dụng tài nguyên hiệu quả và ứng dụng các công nghệ xanh trong quá trình sản xuất, mang lại những giá trị tích cực và bền vững cho cộng đồng.

② G.C Food đặt mục tiêu tái định vị trở thành một công ty công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm, đồng thời tích hợp các tiêu chuẩn ESG vào mô hình hoạt động.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG



- Phát triển các sản phẩm hữu cơ, đón đầu xu hướng tiêu dùng xanh và lành mạnh.
- Mở rộng các dự án nông nghiệp bền vững, giảm thiểu phát thải carbon.
- Đẩy mạnh mô hình nông nghiệp công nghệ cao tại các vùng nguyên liệu.
- Thực hiện các dự án cộng đồng không chỉ khẳng định trách nhiệm xã hội mà còn hướng đến một mô hình phát triển bền vững, hiệu quả và lâu dài.

CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2025, bối cảnh kinh tế vĩ mô toàn cầu tiếp tục tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định có khả năng tác động đáng kể đến hoạt động của G.C Food. Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cắt giảm lãi suất ba lần liên tiếp trong năm, đưa biên độ lãi suất cho vay liên bàng về ngưỡng 3,5% - 3,75%, nhằm thúc đẩy nền kinh tế Mỹ. Tuy nhiên, điều này gia tăng biến động tỷ giá tại các thị trường mới nổi, khiến Công ty đối mặt với các rủi ro chênh lệch tỷ giá khi thanh toán quốc tế.

Bên cạnh đó, các xung đột địa chính trị kéo dài tại Nga - Ukraine và Trung Đông tiếp tục gây sức ép lên chuỗi cung ứng, năng lượng toàn cầu. Sự bất ổn của các tuyến vận tải biển, chi phí logistics tăng cao, tạo ra gián đoạn trong hoạt động giao nhận, ảnh hưởng tiêu cực đến các sản phẩm thạch nha đam và thạch dừa vốn đòi hỏi tiêu chuẩn cao về thời gian và điều kiện vận chuyển. Ngoài ra, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và các chính sách áp thuế mới của Hoa Kỳ đối với nhiều quốc gia, bao gồm Việt Nam, làm gia tăng rào cản thương mại, ảnh hưởng đến nhu cầu tại các thị trường mục tiêu, đồng thời nâng cao chi phí tuân thủ về chứng từ, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn kỹ thuật.

Trong nước, tăng trưởng GDP đạt 8,02% trong năm 2025 cho thấy kỳ vọng tăng trưởng mạnh mẽ của nền kinh tế. CPI bình quân tăng 3,31% phản ánh áp lực lạm phát vẫn hiện hữu, đặc biệt với nhóm hàng liên quan đến thực phẩm và nguyên vật liệu đầu vào. Điều này ảnh hưởng đến chi phí sản xuất của Công ty, bao gồm bao bì, đường, năng lượng và nhân công, từ đó gây sức ép lên biên lợi nhuận khi giá bán chưa thể điều chỉnh tương ứng.

Với đặc thù hoạt động cốt lõi là sản xuất và chế biến thạch nha đam và thạch dừa phục vụ cả thị trường nội địa và xuất khẩu, G.C Food có mức độ nhạy cảm cao trước các biến động kinh tế trong và ngoài nước. Do đó, Ban lãnh đạo Công ty theo dõi sát sao diễn biến kinh tế toàn cầu, xu hướng thương mại quốc tế, chi phí logistics và biến động tỷ giá; đồng thời xây dựng các kịch bản kinh doanh linh hoạt, đẩy mạnh quản trị rủi ro và tối ưu hóa vận hành nhằm giảm thiểu tác động bất lợi, đảm bảo tăng trưởng bền vững trong dài hạn.







RỦI RO CẠNH TRANH

Mặc dù G.C Food tiếp tục duy trì vị thế là nhà sản xuất nha đam lớn nhất Việt Nam và là đối tác cung ứng nguyên liệu đầu vào uy tín cho nhiều doanh nghiệp F&B hàng đầu trong nước, môi trường cạnh tranh của ngành chế biến thực phẩm vẫn đang gia tăng đáng kể. Điều này xuất phát từ cả các yếu tố trong nước lẫn quốc tế, tạo ra áp lực buộc Công ty phải liên tục đổi mới nhằm bảo vệ thị phần và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Trong nước, các chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển ngành chế biến - sản xuất thực phẩm của Chính phủ đang tạo điều kiện thuận lợi cho nhiều doanh nghiệp mới tham gia thị trường. Cùng với xu hướng đầu tư vào công nghệ chế biến hiện đại và tiêu chuẩn hoá chất lượng sản phẩm, mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp nội địa ngày càng trở nên gay gắt hơn. Điều này thể hiện qua việc mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư mạnh vào bao bì - mẫu mã, và đẩy mạnh các chương trình truyền thông nhằm thu hút người tiêu dùng. Sự dịch chuyển hành vi tiêu dùng sang các sản phẩm "sạch", "hữu cơ", "không chất bảo quản" cũng khiến các doanh nghiệp trong nước tích cực đầu tư vào đổi mới sản phẩm, từ đó gia tăng áp lực cạnh tranh trực tiếp với G.C Food.

Bên cạnh đó, Công ty còn phải đối mặt với các doanh nghiệp nước ngoài với quy mô lớn, công nghệ tiên tiến và thương hiệu mạnh, đặc biệt tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm như Trung Đông, Nhật Bản và Hàn Quốc. Những thị trường này đều có quy định khắt khe về an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật, chứng nhận xuất xứ và tiêu chuẩn chất lượng. Do đó, G.C Food không chỉ chịu sức ép cạnh tranh về giá và chất lượng, mà còn phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn quốc tế để duy trì lợi thế cạnh tranh.

Trước những áp lực cạnh tranh ngày càng lớn, G.C Food cần tiếp tục đẩy mạnh đổi mới sản phẩm, tăng cường đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D), hướng đến các dòng sản phẩm an toàn, hữu cơ, không chất bảo quản và đạt các chứng nhận quốc tế về an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, việc mở rộng và tối ưu hóa hệ thống phân phối theo mô hình B2C sẽ giúp Công ty tiếp cận trực tiếp người tiêu dùng, gia tăng mức độ hiện diện thương hiệu và giảm phụ thuộc vào kênh trung gian. Đây là chiến lược quan trọng nhằm duy trì tăng trưởng, củng cố lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh thị trường liên tục thay đổi.



CÁC RỦI RO

RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động của G.C Food chịu sự điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật đa ngành, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại và các sắc thuế liên quan. Việc các văn bản quy phạm pháp luật thường xuyên được sửa đổi, bổ sung nhằm phù hợp với định hướng điều hành của Chính phủ có thể tạo ra rủi ro tuân thủ nếu doanh nghiệp không kịp thời cập nhật và điều chỉnh quy trình nội bộ. Các thay đổi về nghĩa vụ kê khai, nộp thuế, chế độ kế toán, hoặc quy định về quản trị doanh nghiệp có thể tác động trực tiếp đến chi phí, mô hình quản trị và khả năng đáp ứng yêu cầu của công ty.

Đối với lĩnh vực chế biến thực phẩm, G.C Food phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn thực phẩm, quy chuẩn chất lượng, điều kiện vệ sinh trong sản xuất và quy trình xin cấp phép đối với từng nhóm sản phẩm. Các tiêu chuẩn liên quan đến truy xuất nguồn gốc, dư lượng hóa chất, phụ gia thực phẩm và chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất có thể được điều chỉnh theo xu hướng siết chặt quản lý. Việc không đáp ứng đầy đủ hoặc đáp ứng chậm tiêu chuẩn mới có thể dẫn đến đình chỉ sản phẩm, thu hồi giấy phép hoặc ảnh hưởng đến uy tín thương hiệu.

Với tỷ trọng xuất khẩu chiếm phần lớn trong cơ cấu doanh thu, chủ yếu tại các thị trường Trung Đông, Nhật Bản và Hàn Quốc, Công ty đồng thời phải tuân thủ hệ thống pháp luật của từng quốc gia sở tại. Các quy định này bao gồm Luật Xuất nhập khẩu, Luật Thuế và Hải quan, tiêu chuẩn kiểm dịch thực vật, quy định về an toàn thực phẩm quốc tế, yêu cầu về nhãn mác, cũng như các tiêu chuẩn về môi trường - xã hội - quản trị (ESG) đang ngày càng được áp dụng rộng rãi. Bất kỳ sự thay đổi nào trong các chính sách thương mại song phương, hạn ngạch nhập khẩu hoặc quy định kỹ thuật đều ảnh hưởng đến năng lực tiêu thụ sản phẩm tại từng thị trường. Trong một số trường hợp, Công ty có thể đối mặt nguy cơ tăng chi phí tuân thủ, kéo dài thời gian thông quan hoặc thậm chí bị từ chối nhập hàng nếu không đáp ứng đúng các yêu cầu pháp lý.

Bên cạnh đó, tiến trình nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam đang thúc đẩy Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tăng cường giám sát và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. Điều này đặt ra thách thức đối với doanh nghiệp có cổ phiếu giao dịch trên sàn chứng khoán trong việc đảm bảo tính minh bạch, đầy đủ và kịp thời của thông tin công bố, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản trị công ty, giao dịch với bên liên quan và quản lý rủi ro nội bộ. Tuy nhiên, đây cũng là cơ hội để G.C Food củng cố hệ thống quản trị, nâng cao tính chuyên nghiệp và tăng cường niềm tin của nhà đầu tư, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững dài hạn.





RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Hoạt động của G.C Food chịu tác động đáng kể từ các yếu tố môi trường và biến đổi khí hậu toàn cầu, vốn đang diễn biến phức tạp và khó dự báo. Trong những năm gần đây, hiện tượng El Niño, nhiệt độ tăng, cùng với tần suất xuất hiện ngày càng nhiều của các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán kéo dài, nắng nóng bất thường hoặc mưa lớn cục bộ đã tạo ra rủi ro lớn đối với vùng nguyên liệu của Công ty. Trong năm 2025, Việt Nam ghi nhận nhiều đợt bão, lũ lụt và mưa lớn kỷ lục gây ngập úng trên diện rộng. Những yếu tố này làm gián đoạn sản xuất nông nghiệp và ảnh hưởng trực tiếp đến vùng nguyên liệu trọng điểm của Công ty, bao gồm nha đam tại tỉnh Khánh Hòa (tỉnh Ninh Thuận cũ) và dừa tại Bến Tre.

Cây nha đam vốn cần điều kiện ánh sáng tốt nhưng vẫn phụ thuộc nhiều vào lượng nước ổn định. Do đó, các đợt El Niño kéo dài có thể khiến tỷ lệ hao hụt nguyên liệu tăng lên, đồng thời yêu cầu nông hộ phải đầu tư thêm chi phí cho nước tưới, cải tạo đất hoặc che chắn, gián tiếp làm gia tăng giá nguyên liệu đầu vào. Tình trạng xâm nhập mặn tiếp tục là thách thức nghiêm trọng trong mùa khô. Độ mặn tăng cao khiến các vùng trồng dừa bị suy giảm chất lượng đất và nguồn nước, dẫn đến tình trạng cây dừa sinh trưởng kém, năng suất trái thấp hơn, có nguy cơ làm gián đoạn chuỗi cung ứng dừa nếu tình trạng kéo dài. Việc nguồn cung sụt giảm có thể dẫn đến chi phí thu mua tăng, chi phí vận chuyển và lưu trữ cao hơn. Ngoài ra, ô nhiễm nguồn nước tưới, chất lượng đất suy giảm và các biến động sinh thái khác có thể ảnh hưởng đến chất lượng đầu vào, kéo theo chi phí kiểm soát chất lượng, chi phí sàng lọc và tỷ lệ hao hụt trong chế biến.

Trong bối cảnh rủi ro môi trường ngày càng tăng, Công ty cần tiếp tục phối hợp với các địa phương để phát triển vùng nguyên liệu bền vững, áp dụng mô hình canh tác thích ứng khí hậu và mở rộng hợp tác với nông hộ theo hướng quản trị rủi ro chủ động. Đồng thời, việc đánh giá lại chiến lược dự trữ nguyên liệu, đa dạng hóa vùng cung ứng và đầu tư vào các chương trình ESG hỗ trợ Công ty giảm thiểu tác động tiêu cực, duy trì tính ổn định của chuỗi cung ứng và đảm bảo chất lượng sản phẩm trong dài hạn.

CÁC RỦI RO

RỦI RO LÃI SUẤT VÀ TỶ GIÁ

Cơ cấu tài chính của G.C Food hiện có tỷ trọng nợ vay tài chính ngắn hạn chiếm 44,37% tổng nợ phải trả, cho thấy mức độ phụ thuộc tương đối vào nguồn vốn tín dụng để phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh. Vì vậy, các biến động về lãi suất thị trường có thể tạo ra tác động trực tiếp đến chi phí tài chính của Công ty. Năm 2025, lãi suất cho vay bình quân trong nước tăng vào giai đoạn cuối năm. Điều này làm,chi phí lãi vay của Công ty gia tăng tương ứng, làm ảnh hưởng đến dòng tiền hoạt động, giảm biên lợi nhuận và gây áp lực lên khả năng thanh toán trong ngắn hạn.

Bên cạnh đó, với hơn 39% tổng giá trị doanh thu đến từ thị trường xuất khẩu, G.C Food chịu ảnh hưởng trực tiếp từ biến động tỷ giá. Năm 2025, diễn biến tỷ giá USD/VND tăng mạnh, đồng VND giảm giá trị tương đối so với USD, làm tăng lợi thế cạnh tranh cho các mặt hàng xuất khẩu của Công ty. Tuy nhiên, sự biến động lớn của tỷ giá cũng mang đến rủi ro đáng kể, đặc biệt đối với các khoản chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc. Nếu tỷ giá tăng quá nhanh hoặc diễn biến không ổn định, Công ty có thể phải đối mặt với biến động lợi nhuận, sai lệch kế hoạch tài chính và rủi ro chênh lệch tỷ giá ghi nhận trong báo cáo tài chính.

Trong bối cảnh đó, việc thiết lập hệ thống quản trị rủi ro lãi suất và tỷ giá một cách hiệu quả mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với hoạt động của Công ty. Trong năm qua, Công ty đã tiếp tục triển khai các biện pháp quản trị tài chính chặt chẽ thông qua các chiến lược quản trị rủi ro dài hạn, chủ động theo dõi và dự báo xu hướng lãi suất - tỷ giá, tối ưu hóa dòng tiền và bảo vệ lợi nhuận trước những biến động của thị trường trong và ngoài nước.

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Tương tự nhiều doanh nghiệp trong ngành sản xuất nói chung và chế biến thực phẩm nói riêng, G.C Food không nằm ngoài ảnh hưởng từ các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, thiên tai quy mô lớn hoặc dịch bệnh bùng phát. Mặc dù những rủi ro này có tần suất xảy ra thấp, nhưng khi phát sinh, chúng thường gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản, đồng thời làm gián đoạn chuỗi cung ứng, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất - kinh doanh và khả năng vận hành ổn định của doanh nghiệp.

Ý thức được mức độ rủi ro đặc thù này, G.C Food luôn duy trì chiến lược quản trị rủi ro chủ động thông qua việc xây dựng các phương án ứng phó linh hoạt. Các kịch bản vận hành thay thế, giải pháp đảm bảo nguồn cung và phương án khôi phục hoạt động sau sự cố được rà soát định kỳ nhằm giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực có thể xảy ra. Bên cạnh đó, Công ty triển khai hệ thống bảo hiểm toàn diện cho tài sản, nhà xưởng, trang thiết bị cũng như các chính sách bảo hiểm cho người lao động. Những biện pháp này không chỉ góp phần bảo đảm an toàn và phúc lợi cho cán bộ công nhân viên, mà còn giúp bảo vệ lợi ích của doanh nghiệp và nhà đầu tư, duy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất - kinh doanh ngay cả trong các tình huống khẩn cấp hoặc khó lường.



CHƯƠNG

02

Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và Nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo liên quan đến môi trường & xã hội của Công ty



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Về cơ cấu doanh thu thuần theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		%tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu bán hàng hóa	578.028	99,89%	688.765	99,96%	+19,16%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	0	0,00%	295	0,04%	-55,10%
Tổng Doanh thu thuần	**578.685**	**100%**	**689.060**	**100%**	**+19,07%**

Năm 2025, tổng doanh thu thuần của Công ty đạt 689,06 tỷ đồng, tăng 19,07% so với năm 2024. Mức tăng trưởng này phản ánh sự phục hồi và mở rộng ổn định của hoạt động sản xuất – kinh doanh, đồng thời cho thấy khả năng duy trì đà tăng trưởng doanh thu trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Doanh thu tăng trưởng đóng vai trò là yếu tố nền tảng, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty cải thiện hiệu quả sinh lời và kết quả lợi nhuận trong kỳ.

Cơ cấu doanh thu tiếp tục tập trung gần như tuyệt đối vào mảng bán hàng hóa, thành phẩm, cho thấy định hướng chiến lược nhất quán của Công ty trong việc tập trung nguồn lực vào hoạt động kinh doanh cốt lõi. Doanh thu từ mảng này đạt 688,77 tỷ đồng, chiếm 99,96% tổng doanh thu thuần và tăng 19,16% so với năm trước. Mức tăng trưởng này tương đồng với mức tăng của tổng doanh thu, phản ánh việc tăng trưởng đến từ gia tăng sản lượng tiêu thụ thực tế, thay vì thay đổi cơ cấu hay yếu tố bất thường. Kết quả này cho thấy nhu cầu thị trường đối với các sản phẩm của Công ty tiếp tục duy trì ở mức tích cực, đồng thời phản ánh hiệu quả trong công tác tổ chức sản xuất, quản lý chuỗi cung ứng và hoạt động tiêu thụ sản phẩm.

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cụ thể là bán điện mặt trời đạt 295 triệu đồng, chiếm 0,04% tổng doanh thu thuần và giảm 55,1% so với năm 2024. Do quy mô doanh thu còn nhỏ, mảng này không tác động đáng kể đến kết quả kinh doanh chung của Công ty trong năm. Tuy nhiên, hoạt động này vẫn mang ý nghĩa hỗ trợ, góp phần phục vụ nhu cầu năng lượng cho sản xuất, giảm chi phí vận hành và thể hiện định hướng sử dụng năng lượng tái tạo, phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

Doanh thu bán hàng hóa

688.765 triệu đồng

Doanh thu bán điện mặt trời đạt

295 triệu đồng



Về cơ cấu doanh thu thuần theo khu vực

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% tăng/ giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu từ thị trường xuất khẩu	263.011	45,45%	265.481	38,53%	+0,94%
Doanh thu từ thị trường nội địa	315.674	54,55%	423.579	61,47%	+34,18%
Tổng Doanh thu thuần	**578.685**	**100%**	**689.060**	**100%**	**+19,07%**

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	TH 2024	TH 2025	KH 2025	% TH 2025/2024	% TH/KH 2025
Doanh thu thuần	578.685	689.060	716.316	119,07%	96,20%
Giá vốn hàng bán	374.366	469.993	482.635	125,54%	97,38%
Lợi nhuận gộp	204.319	219.068	233.681	107,22%	93,75%
Chí phí hoạt động	106.093	137.331	111.029	129,44%	123,69%
Lợi nhuận trước thuế	85.832	62.984	115.167	73,38%	54,69%
Lợi nhuận sau thuế	63.766	36.214	89.830	56,79%	40,31%

(*): Chi phí hoạt động = Chi phí bán hàng + Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2025, GCF ghi nhận mức tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận gộp cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh chính vẫn đang vận hành hiệu quả. Doanh thu thuần năm 2025 đạt 689,06 tỷ đồng, tăng 19,07% so với năm 2024, đạt 96,2% kế hoạch đề ra. Giá vốn hàng bán đạt 469,99 tỷ đồng, tăng 25,54% so với cùng kỳ. Nhờ đó, lợi nhuận gộp năm 2025 đạt 219,07 tỷ đồng, tăng 7,22% so với năm trước và đạt 93,75% kế hoạch.

Dù hoạt động kinh doanh ghi nhận các tín hiệu tăng trưởng tích cực, song lợi nhuận sau thuế của GCF lại giảm 40,21% so với năm 2024 và chỉ đạt 40,31% kế hoạch đề ra. Chi phí hoạt động trong năm của doanh nghiệp cũng tăng 31,29 tỷ đồng, tương ứng 29,44% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu của việc giảm lợi nhuận và tăng chi phí hoạt động đến từ trích dự phòng nợ phải thu khó đòi và xóa sổ tài sản tại công ty con. Đây là hệ quả của việc thực hiện nguyên tắc thận trọng trong kế toán nhằm loại bỏ các rủi ro tài chính tiềm ẩn từ quá khứ và tập trung nguồn lực vào các mảng kinh doanh chính giúp dòng tiền ổn định hơn.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN LÃNH ĐẠO

Ông Nguyễn Văn Thứ
Chủ tịch HĐQT

- Ngày sinh : 10/06/1978
- Nơi sinh : Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

2000-2001	Trợ lý Giám đốc tại Công ty Sam Hung Vina Hàn Quốc
2001-2008	Trưởng phòng Khách hàng doanh nghiệp chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
2009-2011	Phó Giám Đốc chi nhánh tại Ngân hàng Quân Đội
2011-2022	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc tại CTCP Thực phẩm G.C
07/2022-nay	Chủ tịch HĐQT tại CTCP Thực phẩm Cánh Đồng Việt, CTCP Thực phẩm G.C

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Thực phẩm Cánh Đồng Việt
- Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm Cô Cô Việt Nam
- Chủ tịch HĐQT CTCP Nắng và Gió

Số cổ phần GCF có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 10.499.200 cổ phần, chiếm 24,28% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 805.860 cổ phần, chiếm 2,27% vốn điều lệ

Bà Hà Thị Bích Vân
Thành viên HĐQT

- Ngày sinh : 02/09/1980
- Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế quốc tế

Quá trình công tác:

2002-2005	Công tác tại EY Việt Nam
2005-2009	Công tác tại Mekong Capital
2009-2010	Công tác tại Công ty tư vấn Capstone
2010-2011	Công tác tại Quỹ Vietnam Investment Partners
2011-2022	Công tác tại Quỹ PENM Partners
2022-nay	Phó chủ tịch cấp cao tại Marubeni Growth Capital Asia Pte. Ltd.
11/2023-nay	Thành viên BKS CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG
10/2024-nay	Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm G.C

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên BKS CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG
- Phó chủ tịch cấp cao tại Marubeni Growth Capital Asia Pte. Ltd.

Số cổ phần GCF có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 22.855.360 cổ phần, chiếm 52,87% vốn điều lệ

Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy
Thành viên HĐQT

- Ngày sinh : 23/11/1978
- Nơi sinh : Hà Nội
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

05/2025-nay	Giám đốc Tài chính CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG
01/2026-nay	Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm G.C

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc Tài chính CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG

Số cổ phần GCF có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 22.855.360 cổ phần, chiếm 52,87% vốn điều lệ

Ông Phạm Đăng Long
Thành viên HĐQT

- Ngày sinh : 01/01/1971
- Nơi sinh : Long An
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Cơ khí

Quá trình công tác:

1993- 1997	Trưởng Ca sản xuất Công ty Dệt Long An
1997-2008	Phó Giám đốc Kỹ thuật CTCP Dệt Thái Tuấn
2008-2012	Giám đốc Điều hành CTCP Nguyên liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn
2018-2019	Tổng Giám đốc CTCP Sản Xuất Hương Liệu Ếch Vàng
2021-2024	Chủ tịch HĐQT CTCP Chế Biến Dừa Á Châu
2012-nay	Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT CTCP Nguyên liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn
07/2019-nay	Thành viên HĐQT CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG
05/2022-nay	Phó Tổng Giám đốc CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG
2023-nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Mekong Delta Gourmet
01/2026-nay	Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm G.C

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG
- Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT CTCP Nguyên liệu Thực Phẩm Á Châu Sài Gòn
- Chủ tịch HĐQT CTCP Mekong Delta Gourmet

Số cổ phần GCF có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 22.855.360 cổ phần, chiếm 52,87% vốn điều lệ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN LÃNH ĐẠO

Ông Nguyễn Tiến Đức
Trưởng BKS

- Ngày sinh : 10/12/1987
- Nơi sinh : Kiên Giang
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật

Quá trình công tác:

2018-nay Trưởng phòng Pháp chế CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG

01/2026-nay Trưởng BKS CTCP Thực phẩm G.C

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Trưởng phòng Pháp chế CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG

Số cổ phần GCF có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Vũ Minh Đức
Thành viên BKS

- Ngày sinh : 12/11/1988
- Nơi sinh : Thái Bình
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp

Quá trình công tác:

.2019-nay Trưởng bộ phận kế toán CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG

01/2026-nay Thành viên BKS CTCP Thực phẩm G.C

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Trưởng bộ phận kế toán CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG

Số cổ phần GCF có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Vũ Anh Tài
Thành viên BKS

- Ngày sinh : 21/05/1989
- Nơi sinh : Tp. Hồ Chí Minh
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

04/2014-02/2016 Học ngành quân sự cơ sở tại Trường quân sự Tp. Hồ Chí Minh

02/2016-01/2018 Phó chỉ huy quân sự tại Ban chỉ huy quân sự phường 2, quận 4

02/2018-10/2022 Giám đốc kinh doanh tại Công ty TNHH Wonder Travel

04/2022-nay Thành viên Ban kiểm soát tại CTCP Thực phẩm G.C

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Không có

GCF có quyền biểu quyết tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Bùi Thị Mai Hiên
Tổng Giám đốc

- Ngày sinh : 24/06/1977
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngành Công tác xã hội

Quá trình công tác:

2001-2011 Kinh doanh riêng

2011-07/2022 Thành viên HĐQT kiêm Trưởng phòng kinh doanh nội địa B2B tại CTCP Thực phẩm G.C

07/2021-nay Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc tại CTCP Thực phẩm Cô Cô Việt Nam

07/2022-02/2026 Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc tại CTCP Thực phẩm G.C

07/2022-nay Tổng giám đốc tại CTCP Thực phẩm G.C

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP Thực phẩm Cô Cô Việt Nam

Số cổ phần GCF có quyền biểu quyết tại thời điểm:

- Sở hữu cá nhân: 1.000.249 cổ phần, chiếm 2,31% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 33.000 cổ phần, chiếm 0,09% vốn điều lệ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN LÃNH ĐẠO

Ông Nguyễn Diệp Pháp
Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh : 22/10/1988
- Nơi sinh : Bình Thuận
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

2011-2013	Nhân viên Phát triển Đơn hàng Gia Công tại Công ty TNHH Motives Việt Nam
2013- 2016	Chuyên viên Kinh doanh Quốc tế tại CTCP Phúc Sinh
2016-2017	Chuyên viên Kinh doanh Quốc tế tại Công ty TNHH Hải Nam
2017-nay	Giám đốc khối Kinh doanh Quốc tế tại CTCP Thực phẩm G.C
04/2019–04/2025	Thành viên HĐQT tại CTCP Thực phẩm G.C
07/2022-nay	Phó Tổng Giám đốc tại CTCP Thực phẩm G.C

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Không có

Số cổ phần GCF có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 56.540 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Ông Lê Trí Thông
Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh : 15/06/1985
- Nơi sinh : Thanh Hóa
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

09/202-nay Phó Tổng Giám đốc CTCP Thực phẩm G.C

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Không có

Số cổ phần GCF có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Đồng Thị Nụ
Phó Tổng Giám đốc

- Ngày sinh : 10/02/1982
- Nơi sinh : Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác:

09/2024 - nayPhó Tổng Giám đốc tại CTCP Thực phẩm G.C

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Không có

Số cổ phần GCF có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 152.790 cổ phần, chiếm 0,35% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Bà Nguyễn Thị Châu
Giám đốc tài chính

- Ngày sinh : 27/03/1985
- Nơi sinh : Nam Định
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

2007 - 2008	Kế toán tổng hợp và thuế tại CTCP Tư vấn Xây dựng Nageco
2008 - 2012	Phó phòng tài chính tại CTCP Kỹ thuật điện toàn cầu GLT
2012 - 2015	Phó phòng kế toán tài chính tại Công ty công nghệ thông tin NTT
2015 - 2016	Giám đốc tài chính tại CTCP CJ Kim&Kim
2017 - 2021	Trưởng phòng tài chính kế toán tại Công ty TNHH Nhà hàng Bia thủ công Pasteur Street
01/2022 - 10/2025	Kế toán trưởng tại CTCP Thực phẩm G.C
10/2025 - nay	Giám đốc tài chính tại CTCP Thực phẩm G.C

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

Không có

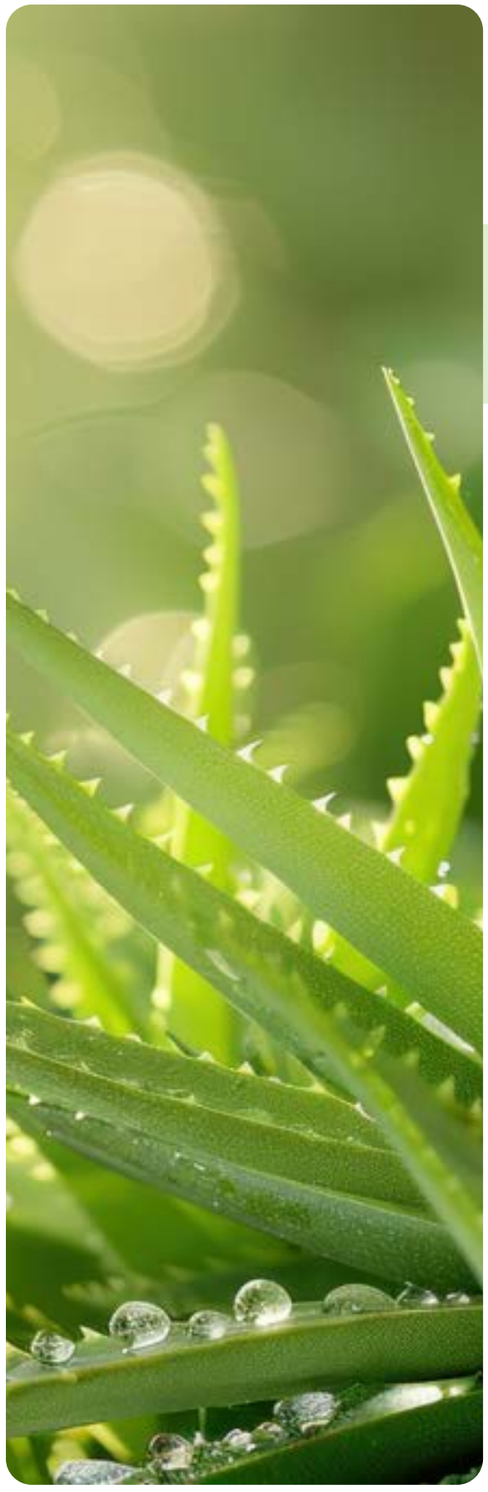
Số cổ phần GCF có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 117.260 cổ phần, chiếm 0,27% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN LÃNH ĐẠO



Ông Nguyễn Đỗ Việt

Kế toán trưởng

- Ngày sinh : 15/08/1989
- Nơi sinh : Hà Nam
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác:

10/2025-nay Kế toán trưởng tại CTCP Thực phẩm G.C

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

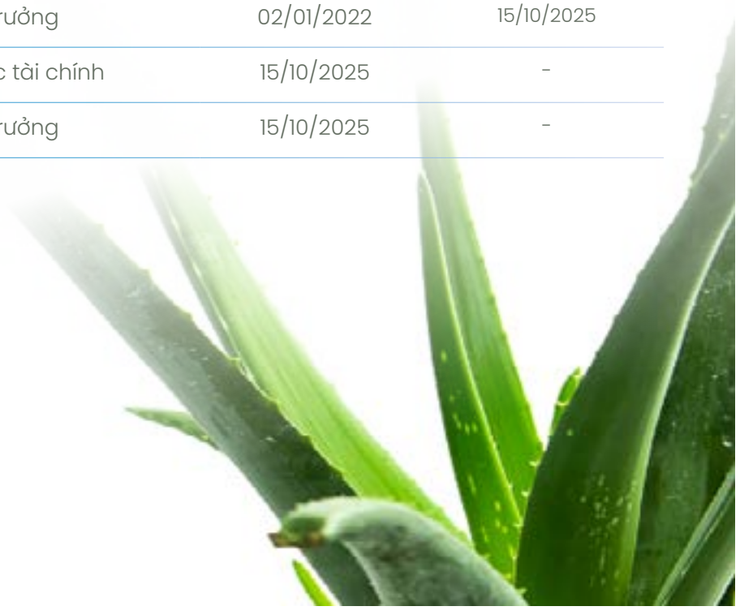
Không có

Số cổ phần GCF có quyền biểu quyết:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN LÃNH ĐẠO NĂM 2025

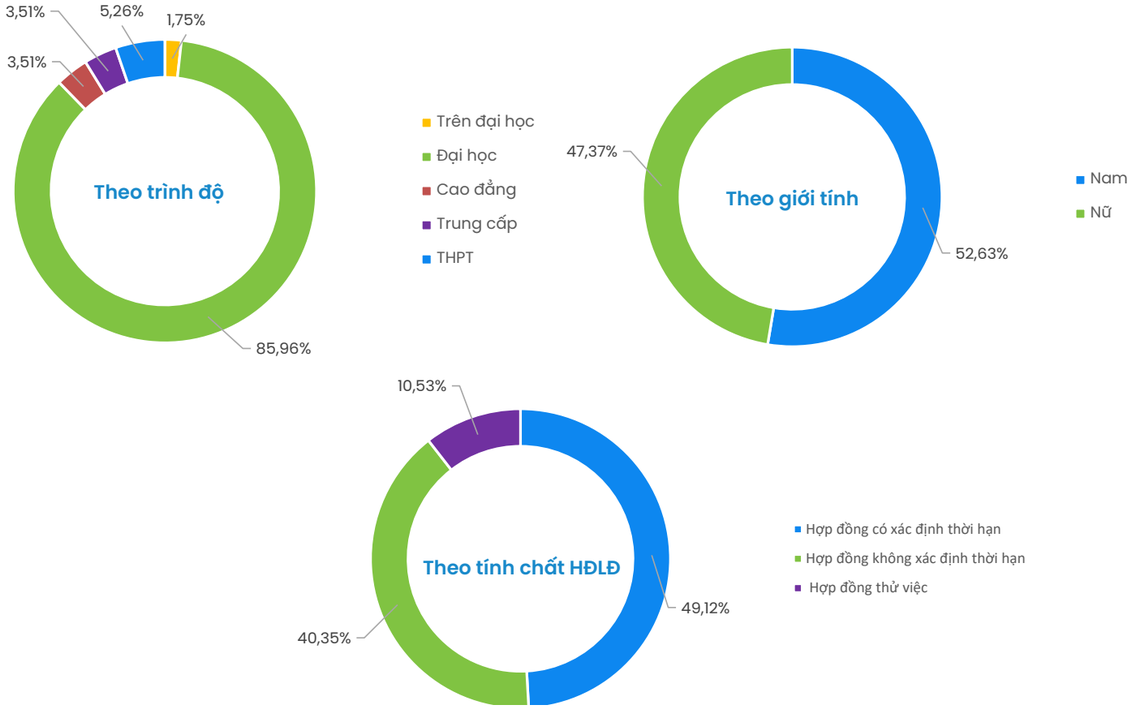
STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
	Hội đồng quản trị			
1	Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT	17/04/2019	04/10/2025
2	Lê Hoành Sử	Thành viên HĐQT độc lập	19/03/2022	04/10/2025
3	Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên HĐQT	04/10/2024	09/012026
4	Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên HĐQT	28/01/2018	09/012026
5	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT	28/01/2018	09/012026
6	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Thành viên HĐQT	09/012026	-
7	Phạm Đăng Long	Thành viên HĐQT	09/012026	-
	Ban kiểm soát			
1	Lê Thanh Duy	Trưởng BKS	19/03/2022	09/012026
2	Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên BKS	19/03/2022	09/012026
3	Nguyễn Tiến Đức	Trưởng BKS	09/012026	-
4	Vũ Minh Đức	Thành viên BKS	09/012026	-
	Ban điều hành			
1	Nguyễn Thị Châu	Kế toán trưởng	02/01/2022	15/10/2025
		Giám đốc tài chính	15/10/2025	-
2	Nguyễn Đỗ Việt	Kế toán trưởng	15/10/2025	-



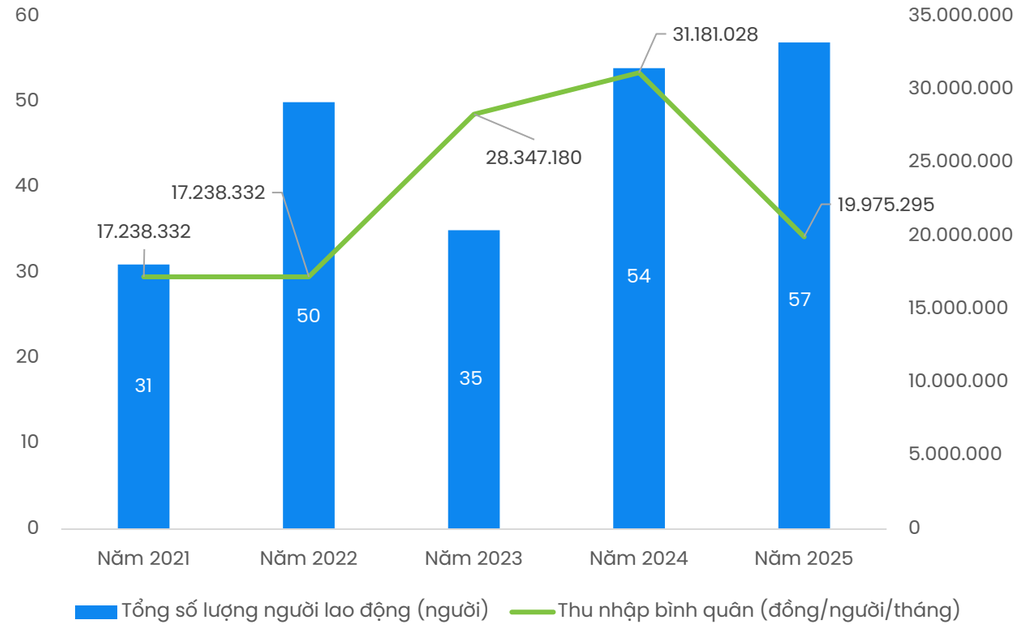
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
A	**Theo trình độ**	**57**	**100%**
1	Trên đại học	1	1,75%
2	Đại học	49	85,96%
3	Cao đẳng	2	3,51%
4	Trung cấp	2	3,51%
5	THPT	3	5,26%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**57**	**100%**
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	28	49,12%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	23	40,35%
3	Hợp đồng thử việc	6	10,53%
C	**Theo giới tính**	**57**	**100%**
1	Nam	30	52,63%
2	Nữ	27	47,37%



THU NHẬP BÌNH QUÂN



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về tuyển dụng

Trong năm 2025, GC Food tiếp tục xác định tuyển dụng là một nội dung quan trọng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhằm bảo đảm đáp ứng kịp thời nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh và nâng cao năng lực quản trị trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Công ty duy trì hoạt động tuyển dụng một cách chủ động, có chọn lọc, tập trung vào việc thu hút nhân sự có chuyên môn cao, phù hợp với văn hóa doanh nghiệp và định hướng phát triển dài hạn. Song song đó, GC Food chú trọng chuẩn hóa quy trình tuyển dụng theo hướng minh bạch, hiệu quả và công bằng, tăng cường ứng dụng công nghệ trong công tác tìm kiếm, sàng lọc và đánh giá ứng viên.



Bên cạnh việc bổ sung nguồn lực mới, Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác quy hoạch, kế thừa và phát triển đội ngũ nội bộ, tạo điều kiện để người lao động có cơ hội thăng tiến và phát triển nghề nghiệp. Thông qua chiến lược tuyển dụng gắn với đào tạo và giữ chân nhân tài, GC Food không chỉ đảm bảo sự ổn định trong vận hành mà còn xây dựng nền tảng nhân sự vững chắc, sẵn sàng thích ứng với những thay đổi của thị trường, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược năm 2026 và các năm tiếp theo.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về đào tạo

Công tác đào tạo tại GC Food được triển khai theo định hướng thực tiễn, gắn chặt với yêu cầu công việc và mục tiêu phát triển của đơn vị. Chương trình đào tạo được thiết kế linh hoạt theo nhu cầu của từng phòng ban và vị trí, bảo đảm mỗi cán bộ, công nhân viên đều được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết để hoàn thành tốt nhiệm vụ. Ban Lãnh đạo, đặc biệt là Ban Tổng Giám đốc, giữ vai trò định hướng và trực tiếp tham gia xây dựng các nội dung đào tạo chuyên môn, từ kỹ năng vận hành tại nhà máy, quản lý dự án cho đến các chương trình về văn hóa doanh nghiệp, qua đó giúp đội ngũ thấu hiểu giá trị cốt lõi và tăng cường sự gắn kết nội bộ.

Song song với hoạt động đào tạo nội bộ, GC Food chủ động hợp tác với các chuyên gia và đơn vị tư vấn uy tín nhằm cập nhật xu hướng mới, nâng cao năng lực quản trị và chuyên môn cho nhân sự ở nhiều cấp độ. Việc đầu tư bài bản vào đào tạo không chỉ góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực mà còn củng cố lợi thế cạnh tranh của Công ty, tạo nền tảng vững chắc cho các mục tiêu tăng trưởng và phát triển dài hạn.





Môi trường công việc

G.C Food luôn đặt ưu tiên hàng đầu trong việc xây dựng một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến an toàn lao động và chăm sóc sức khỏe nhân viên. Công ty áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc hằng năm cho 100% nhân sự, với bộ tiêu chí minh bạch, khách quan và toàn diện nhằm ghi nhận đúng năng lực và nỗ lực của từng cá nhân.

Công ty đề cao sự công bằng trong đối xử, tôn trọng quyền lợi chính đáng của người lao động và xây dựng chính sách nhân sự không phân biệt vùng miền, chức danh hay loại hợp đồng, bảo đảm sự minh bạch trong mọi hoạt động.

Song song đó, G.C Food không ngừng cải tiến các quy trình quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp, thể hiện sự quan tâm sâu sắc đến phúc lợi của người lao động. Môi trường làm việc được thiết kế để tạo cảm giác an tâm và tin tưởng, giúp nhân viên phát huy tối đa năng lực trong điều kiện làm việc ổn định và được bảo vệ. Đây chính là nền tảng quan trọng để Công ty xây dựng văn hóa doanh nghiệp đề cao giá trị cá nhân, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững trong dài hạn.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

GC Food xây dựng chính sách lương thưởng theo nguyên tắc cạnh tranh, minh bạch và gắn chặt với hiệu quả công việc, nhằm bảo đảm sự ghi nhận xứng đáng cho những đóng góp của người lao động. Hệ thống tiền lương được thiết kế theo mô hình 3B (Chức vụ – Hiệu quả công việc – Văn hóa doanh nghiệp), phản ánh toàn diện vai trò, kết quả thực hiện nhiệm vụ cũng như mức độ phù hợp với giá trị và chuẩn mực văn hóa của Công ty.



Hệ thống đánh giá hiệu quả công việc được triển khai định kỳ hằng năm cho 100% cán bộ, công nhân viên, kết hợp giữa các tiêu chí định lượng và định tính. Kết quả đánh giá là cơ sở quan trọng để xem xét điều chỉnh lương, thưởng và các chế độ phúc lợi, đồng thời tạo động lực để mỗi cá nhân không ngừng nâng cao năng lực và tinh thần trách nhiệm. Trong năm 2025, Công ty tiếp tục hoàn thiện hệ thống đánh giá theo hướng chi tiết, khách quan và sát với thực tế hơn.

Bên cạnh mức lương cơ bản đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường, GC Food duy trì các khoản thưởng theo hiệu quả công việc và thưởng bổ sung như lương tháng 14, 15, góp phần nâng cao thu nhập, tạo sự ổn định và khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài, đồng hành cùng sự phát triển bền vững của Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2025, Công ty không có khoản đầu tư lớn.

CÔNG TY CON

CTCP Thực phẩm Cánh Đồng Việt

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng, giảm
Doanh thu thuần	287.596	347.719	+20,91%
Lợi nhuận sau thuế	32.354	18.041	-44,24%
Vốn đầu tư của GCF	119.145	169.145	+41,97%
Cổ tức GCF nhận	33.830	17.035	-49,65%

CTCP Nắng và Gió

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng, giảm
Doanh thu thuần	18.608	4.925	-73,53%
Lợi nhuận sau thuế	-33.488	-63.494	-89,6%
Vốn đầu tư của GCF	88.000	88.000	-
Cổ tức GCF nhận	-	-	-

CTCP Thực phẩm Cô Cô Việt Nam

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng, giảm
Doanh thu thuần	204.567	245.234	+19,88%
Lợi nhuận sau thuế	38.401	28.331	-26,22%
Vốn đầu tư của GCF	39.800	119.800	+201,01%
Cổ tức GCF nhận	29.787	28.752	-3,47%



CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Nước giải khát Nhiệt đới Sài Gòn

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500654985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận (nay là Sở Tài chính Tỉnh Khánh Hòa) cấp ngày 07/04/2022, Công ty đã góp lượng cổ phần có giá trị 10.000.000.000 đồng, tương ứng 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nước Giải khát Nhiệt đới Sài Gòn. Tính đến ngày 31/12/2025, Công ty đang nắm giữ 1.000.000 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ và quyền biểu quyết. Hiện CTCP Nước Giải khát Nhiệt đới Sài Gòn vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động chính thức.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	665.033	776.135	+16,71%
2	Doanh thu thuần	578.685	689.060	+19,07%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	85.689	76.731	-10,45%
4	Lợi nhuận khác	143	-13.747	-
5	Lợi nhuận trước thuế	85.832	62.984	-26,62%
6	Lợi nhuận sau thuế	63.766	36.214	-43,21%

Năm 2025 ghi nhận tăng trưởng về quy mô tài sản và doanh thu. Tại thời điểm cuối kỳ, tổng giá trị tài sản đạt 776,14 tỷ đồng, tăng 16,71% so với năm 2024 chủ yếu do công ty tăng thành phẩm, nguyên vật liệu và mua mới phần mềm máy tính. Điều này cho thấy Công ty đang chủ động nguồn cung đáp ứng nhu cầu đơn hàng và số hóa quy trình quản trị để nâng cao năng suất.

Doanh thu thuần đạt 689,06 tỷ đồng, tăng 19,07% so với năm trước. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chỉ đạt 76,73 tỷ đồng, giảm 10,45% so với năm 2024. Kết quả này phản ánh áp lực lớn từ chi phí hoạt động và các khoản chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi, trực tiếp bào mòn phần lợi nhuận tạo ra từ tăng trưởng quy mô. Lợi nhuận khác năm 2025 ghi nhận mức âm do ghi nhận khoản chi phí xóa sổ tài sản 15,18 tỷ đồng.

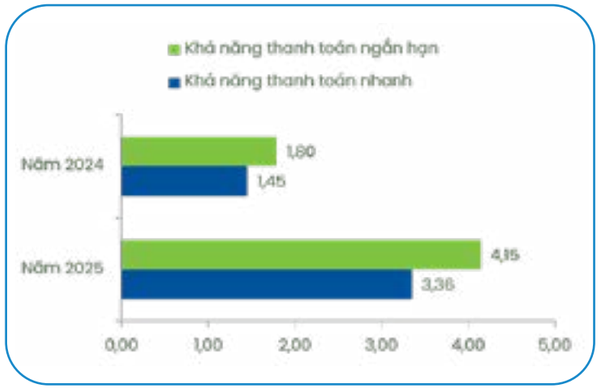
Lợi nhuận trước thuế đạt 62,98 tỷ đồng, giảm 26,62% so với cùng kỳ năm trước, trong khi lợi nhuận sau thuế đạt 36,21 tỷ đồng, giảm 43,21% so với năm 2024. Sự sụt giảm của lợi nhuận ròng do ghi nhận các chi phí "phi tiền mặt" cho thấy tốc độ tăng trưởng của Công chậm lại để củng cố nội lực, gia tăng chất lượng dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

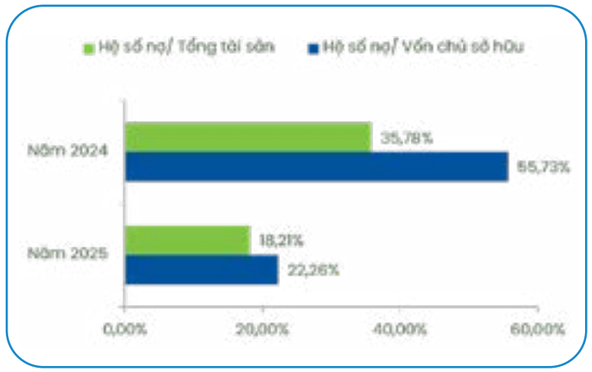
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán của Công ty trong năm 2025 ghi nhận sự cải thiện. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng mạnh từ 1,80 lần lên 4,15 lần, trong khi hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,45 lần lên 3,36 lần. Cả hai chỉ số đều vượt xa ngưỡng an toàn, cho thấy trạng thái tài chính ngắn hạn rất chủ động. Nguyên nhân của sự cải thiện này đến từ việc tài sản ngắn hạn của Công ty tăng mức tăng 25,64% so với thời điểm cuối năm 2024 do tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh 5,32 lần so với cùng kỳ năm trước. Hàng tồn kho thuần đạt 94,85 tỷ đồng tăng 26,13% so với cùng kỳ chủ yếu do tăng thành phẩm và nguyên liệu, vật liệu. Đồng thời, nợ ngắn hạn cũng giảm 45,57% so với năm 2024, chủ yếu do Công ty đã tái cơ cấu và tất toán các khoản vay ngắn hạn bằng nguồn vốn từ đợt phát hành riêng lẻ. Sự thay đổi này không chỉ giúp giảm áp lực thanh toán trong ngắn hạn mà còn là tấm đệm tài chính cho Công ty trong giai đoạn tái cấu trúc và mở rộng quy mô đầu tư trong thời gian tới.

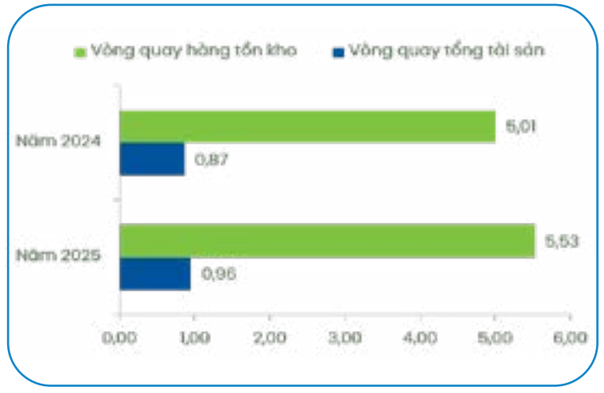
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn của GC Food ghi nhận sự chuyển dịch rõ rệt theo hướng an toàn và bền vững hơn trong năm 2025. Hệ số nợ/tổng tài sản giảm mạnh từ 35,78% xuống 18,21%, thể hiện rõ định hướng giảm phụ thuộc vào nợ vay và tăng cường nội lực tài chính. Sự cải thiện này chủ yếu đến từ việc Công ty tiếp tục cắt giảm mạnh nợ vay tài chính, đặc biệt là nợ vay ngắn hạn giảm từ 154,41 tỷ đầu kỳ xuống chỉ còn 62,71 tỷ đồng vào cuối kỳ. Nhờ đó, tổng nợ phải trả của GC Food giảm 40,61% so với năm 2024, từ 237,98 tỷ xuống còn 141,33 tỷ đồng.



Song song với việc giảm mạnh nợ vay, năng lực tự chủ vốn của GC Food được củng cố đáng kể. Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm về mức 22,26% từ mức 55,73% năm 2024, chủ yếu do vốn đầu tư của chủ sở trong năm tăng 333,42 tỷ đồng, tương đương mức tăng 87,37% so với đầu kỳ. Mức tăng trưởng này đến từ hai đợt phát hành cổ phiếu thành công trong năm, trong đó có chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư và ghi nhận thặng dư vốn 142,38 tỷ đồng.

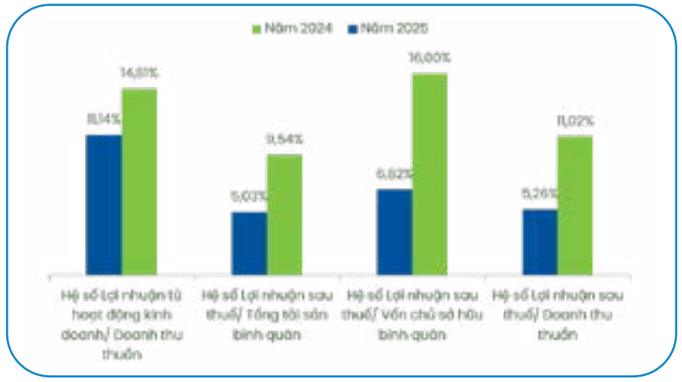
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Trong năm 2025, các chỉ tiêu phản ánh năng lực hoạt động của G.C Food có sự biến chuyển theo hướng thận trọng hơn, dù vẫn duy trì được mức vận hành ổn định. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 5,01 lên 5,53 vòng, cho thấy tốc độ tiêu thụ được cải thiện. Vòng quay tổng tài sản tăng từ 0,87 lên 0,96 vòng, chủ yếu do doanh thu thuần tăng nhanh hơn tốc độ tăng tổng tài sản bình quân, từ đó cải thiện hiệu suất sử dụng tài sản. Phần lớn tài sản mới bổ sung chưa trực tiếp tạo ra doanh thu trong năm 2025, song tăng trưởng từ hoạt động kinh doanh cốt lõi đã đủ mạnh để giữ chiều hướng cải thiện của chỉ số này.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi tăng trưởng 19,16%, lợi nhuận sau thuế hợp nhất giảm 41,21% so với cùng kỳ do ghi nhận chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi và xóa sổ tài sản. Hệ quả là hầu hết chỉ tiêu sinh lời đều suy giảm đáng kể. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần giảm từ 11,02% xuống còn 5,26%. Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần giảm từ 14,81% xuống còn 11,14%. ROE giảm từ 16% xuống 6,82%, ROA giảm từ 9,54% xuống 5,03% do lợi nhuận sau thuế thu hẹp mạnh, vốn đầu tư của cổ đông tăng và tổng tài sản bình quân tăng.



Tuy nhiên, nhìn vào tín hiệu tích cực từ hoạt động kinh doanh cốt lõi, sự sụt giảm lợi nhuận năm 2025 mang tính chất củng cố tài chính hơn là suy giảm năng lực tăng trưởng thực chất. Trong những năm tiếp theo, Công ty xử lý dứt điểm các khoản phải thu tồn đọng, doanh thu và lợi nhuận sau thuế sẽ được phục hồi trở lại.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Loại cổ phần : Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần : 10.000 VNĐ/cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

43.246.471

cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ

0

cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do

34.61.471

cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng

8.635.000

cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 22/12/2025

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	**Cổ đông trong nước**	**38.546.399**	**98,045%**
1	Cá nhân	17.674.499	44,956%
2	Tổ chức	20.871.900	53,089%
II	**Cổ đông nước ngoài**	**768.600**	**1,955%**
1	Cá nhân	503.100	1,280%
2	Tổ chức	265.500	0,675%
	TỔNG CỘNG	**39.314.999**	**100%**

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 100% (*)

(*) Theo công văn số 394/UBCK-PTTT ngày 15/01/2024 của UBCKNN.

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tính tại ngày 01/04/2026

Trong năm 2025, CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG đã chính thức trở thành công ty mẹ của CTCP Thực phẩm G.C sau khi mua vào toàn bộ hơn 7,1 triệu cổ phiếu GCF được chào bán riêng lẻ. Giao dịch này không chỉ nâng tỷ lệ sở hữu của AIG tại GC Food từ 34,73% lên 52,87%, mà còn đánh dấu bước đi chiến lược quan trọng trong việc hoàn thiện hệ sinh thái cung ứng - sản xuất - tiêu thụ khép kín trong lĩnh vực nông sản thực phẩm.

Tên cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG	22.866.360	52,87%
Ông Nguyễn Văn Thứ	10.499.200	24,28

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: Triệu đồng

Lần	Năm	VĐL tăng thêm	VĐL sau phát hành	Hình thức phát hành
-	2011	-	2.000	Các thành viên sáng lập góp vốn thành lập Công ty TNHH Thực phẩm G.C
1	2013	8.000	10.000	Các thành viên sáng lập góp thêm vốn cho Công ty
2	2014	10.000	20.000	Các thành viên sáng lập góp thêm vốn cho Công ty
3	2015	10.000	30.000	Các thành viên sáng lập góp thêm vốn cho Công ty
4	2016	20.000	50.000	Các thành viên sáng lập góp thêm vốn cho Công ty
5	2018	50.000	100.000	Phát hành 5.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
6	2020	60.000	160.000	Phát hành 1.740.000 cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và phát hành 4.260.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
7	2021	100.000	260.000	Phát hành 10.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 62,5%
8	2022	260.000	306.799	Phát hành 4.679.999 cổ phiếu để trả cổ tức
9	2025	15.000	321.799	Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty
10	2025	71.350	393.149	Chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư
11	2025	39.314	432.464	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG

Với mục tiêu trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất - chế biến thực phẩm từ nông sản, GC Food tiếp tục xác định quản lý và giảm thiểu tác động môi trường là một trong những ưu tiên trọng tâm trong chiến lược phát triển bền vững. Trong năm 2025, Công ty tập trung nhận diện các nhóm tác động chính liên quan đến phát thải, sử dụng tài nguyên và xử lý chất thải, từ đó xây dựng các biện pháp quản lý phù hợp với đặc thù ngành chế biến thực phẩm. Thay vì chỉ tập trung vào xử lý hậu quả, GC Food ưu tiên các giải pháp phòng ngừa thông qua cải tiến công nghệ, tối ưu quy trình và chuẩn hóa vận hành, góp phần hạn chế phát sinh phát thải ngay từ đầu nguồn. Song song đó, các hệ thống xử lý phát thải thường xuyên được rà soát, đánh giá hiệu quả nhằm vận hành ổn định, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường và hạn chế phát sinh khí nhà kính từ quá trình phân hủy hữu cơ. Công ty cũng duy trì và phát huy hiệu quả mô hình phòng thí nghiệm nuôi cấy mô cây nha đam, giúp gia tăng năng suất trên cùng một diện tích canh tác, qua đó giảm áp lực lên tài nguyên đất, tiết kiệm nguyên liệu và hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường. Những nỗ lực này thể hiện cam kết nhất quán của GC Food trong việc hướng tới mô hình sản xuất xanh, hiệu quả và bền vững, tạo nền tảng cho tăng trưởng dài hạn và gia tăng giá trị cho nhà đầu tư.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Trong năm 2025, GC Food tiếp cận công tác quản lý nguyên vật liệu theo định hướng cân bằng giữa hiệu quả sản xuất, an toàn thực phẩm và trách nhiệm môi trường. Nguyên vật liệu đầu vào phục vụ cho các dòng sản phẩm chủ lực của Công ty bao gồm nguyên liệu thô có nguồn gốc nông nghiệp như nha đam tươi và dừa non nguyên trái, cùng với phụ gia thực phẩm và vật liệu bao bì. Việc lựa chọn và sử dụng nguyên vật liệu được thực hiện trên cơ sở bảo đảm chất lượng, truy xuất nguồn gốc và tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm hiện hành. Cách tiếp cận này không chỉ góp phần duy trì tính ổn định của sản phẩm mà còn tạo nền tảng cho chuỗi cung ứng minh bạch và có trách nhiệm.

Song song với yêu cầu về chất lượng, GC Food từng bước tích hợp các yếu tố bền vững trong quản lý nguyên vật liệu. Trong khâu cung ứng, Công ty ưu tiên sử dụng các loại bao bì có khả năng tái sử dụng nhiều lần như khay nhựa, thùng phuy, qua đó giảm phát sinh chất thải ngay từ đầu vào. Đồng thời, tỷ lệ vật liệu tái chế trong bao bì nhựa được mở rộng theo lộ trình, hướng tới hạn chế và thay thế các vật liệu khó phân hủy. Bên cạnh đó, việc tận dụng phụ phẩm phát sinh trong quá trình sản xuất được xem là một phần trong nỗ lực sử dụng tài nguyên hiệu quả. Phần vỏ và lá nha đam sau sơ chế được thu gom để ủ làm phân compost, góp phần giảm lượng chất thải phải xử lý và gia tăng giá trị sử dụng của nguyên liệu trong toàn bộ vòng đời sản phẩm. Thông qua các hoạt động trên, GC Food hướng tới xây dựng chuỗi cung ứng nguyên vật liệu theo hướng bền vững hơn, từng bước giảm tác động đến môi trường và tạo nền tảng cho phát triển dài hạn.

TIÊU THỤ NƯỚC

Nước là nguồn tài nguyên đầu vào quan trọng trong quá trình sản xuất các sản phẩm từ nha đam và dừa non của GC Food, được sử dụng tại nhiều công đoạn như sơ chế nguyên liệu, chế biến, làm mát và vệ sinh thiết bị. Trong năm 2025, tổng lượng nước tiêu thụ của Công ty đạt khoảng 230.000 m^3, tạo cơ sở để GC Food tiếp tục xây dựng các giải pháp quản lý và sử dụng nước hiệu quả hơn trong năm 2026. Công ty duy trì nguồn nước đầu vào ổn định từ hệ thống cấp nước địa phương và các nguồn nước tự nhiên đã qua xử lý, đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm. Song song đó, GC Food chú trọng tối ưu hóa quy trình sử dụng nước thông qua việc quản lý chặt chẽ định mức tiêu thụ, cải tiến quy trình sản xuất và vận hành hệ thống xử lý nước tuần hoàn. Khoảng 30% lượng nước sau xử lý trong ngày được tái sử dụng cho một số công đoạn phù hợp, trong khi nước thải phát sinh được thu gom và xử lý riêng biệt theo quy định. Việc sử dụng hiệu quả tài nguyên nước không chỉ giúp Công ty giảm thiểu tác động môi trường mà còn góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Xuyên suốt 2025, việc theo dõi, kiểm soát tiêu thụ năng lượng được Công ty chủ động triển khai tại các nhà máy, bao gồm cả nhiên liệu phục vụ vận hành và vận chuyển, cùng với điện năng sử dụng cho hệ thống sản xuất, kho lạnh và các hạng mục kỹ thuật liên quan. Nguồn điện phục vụ sản xuất được cung cấp chủ yếu từ lưới điện quốc gia, kết hợp với sản lượng điện tạo ra từ hệ thống điện mặt trời áp mái đang vận hành. Việc bổ sung nguồn năng lượng tái tạo góp phần từng bước tối ưu cơ cấu năng lượng sử dụng và nâng cao tính chủ động trong hoạt động sản xuất.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp tiếp tục thực hiện các giải pháp giảm tiêu hao năng lượng thông qua cải tiến hạ tầng và công nghệ. Hệ thống chiếu sáng tại nhà xưởng được thay thế bằng thiết bị tiết kiệm điện, đồng thời các quy trình chế biến và đóng gói được rà soát, điều chỉnh theo hướng giảm mức tiêu thụ năng lượng nhưng vẫn bảo đảm chất lượng sản phẩm. Thông qua việc đẩy mạnh đầu tư vào năng lượng sạch, cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng và phát triển các sản phẩm thân thiện với môi trường, GC Food từng bước hiện thực hóa mục tiêu phát triển bền vững, hướng tới mô hình doanh nghiệp thực phẩm xanh và có trách nhiệm với môi trường.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là yêu cầu nền tảng trong toàn bộ hoạt động sản xuất - kinh doanh của GC Food. Công ty duy trì hệ thống quản lý nhằm đảm bảo việc thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành liên quan đến giấy phép môi trường, quản lý chất thải, quan trắc và báo cáo môi trường định kỳ theo yêu cầu của cơ quan chức năng. Các hoạt động kiểm tra, rà soát tuân thủ được thực hiện thường xuyên, giúp kịp thời nhận diện và xử lý các rủi ro tiềm ẩn, hạn chế nguy cơ vi phạm phát sinh trong quá trình vận hành. GC Food đồng thời chú trọng cập nhật các quy định pháp luật mới và phổ biến kịp thời tới các bộ phận liên quan, qua đó nâng cao tính chủ động trong công tác tuân thủ. Trong năm, Công ty không ghi nhận các vi phạm nghiêm trọng về môi trường cũng như không phát sinh các khoản xử phạt hành chính nào. Việc tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật không chỉ giúp GC Food đảm bảo hoạt động sản xuất ổn định, liên tục mà còn góp phần củng cố niềm tin của các bên liên quan và nhà đầu tư đối với định hướng phát triển bền vững của Công ty.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Hoạt động đào tạo người lao động



Tại GC Food, hoạt động đào tạo người lao động được triển khai như một định hướng xuyên suốt trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, nhằm xây dựng đội ngũ có năng lực chuyên môn vững vàng và khả năng thích ứng cao trước những biến động của thị trường. Công ty xác định đầu tư vào con người là yếu tố then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả vận hành. Trên cơ sở đó, hệ thống đào tạo được thiết kế đa dạng và linh hoạt, kết hợp giữa đào tạo nội bộ và các chương trình hợp tác với chuyên gia, đơn vị tư vấn uy tín.

Nội dung đào tạo không chỉ tập trung vào kỹ năng chuyên môn, kỹ thuật sản xuất và quản lý, mà còn chú trọng phát triển kỹ năng mềm, tư duy đổi mới và sự thấu hiểu văn hóa doanh nghiệp. Các chương trình được xây dựng phù hợp với từng nhóm đối tượng, từ công nhân trực tiếp sản xuất đến đội ngũ quản lý, bảo đảm mỗi cá nhân đều có cơ hội học tập và phát triển toàn diện. Thông qua việc duy trì môi trường học tập liên tục và có hệ thống, GC Food từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu tăng trưởng bền vững trong dài hạn.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

GC Food nhất quán theo đuổi mục tiêu xây dựng môi trường làm việc an toàn, lành mạnh và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, vệ sinh lao động và bảo vệ sức khỏe nghề nghiệp. Hệ thống Sức khỏe, An toàn và Môi trường (HSE) được thiết lập đồng bộ và quản lý chặt chẽ trên toàn bộ hoạt động sản xuất – kinh doanh, bảo đảm mỗi người lao động được làm việc trong điều kiện an toàn, được trang bị đầy đủ kiến thức và phương tiện bảo hộ cần thiết.

Công ty định kỳ thực hiện đánh giá rủi ro tại tất cả các cơ sở, chủ động nhận diện các nguy cơ tiềm ẩn và triển khai các biện pháp phòng ngừa phù hợp với từng đặc thù công việc. Công tác giám sát và rà soát được duy trì thường xuyên nhằm kịp thời điều chỉnh, giảm thiểu tai nạn lao động và nâng cao ý thức tuân thủ trong toàn hệ thống. Song song đó, chương trình khám sức khỏe định kỳ được tổ chức cho 100% cán bộ, công nhân viên, đặc biệt quan tâm đến nhóm lao động làm việc trong môi trường có yếu tố nguy cơ cao, qua đó giúp phát hiện sớm các vấn đề sức khỏe và hỗ trợ can thiệp kịp thời.

Thông qua việc triển khai đồng bộ các chính sách và biện pháp cụ thể, GC Food không chỉ bảo đảm quyền lợi, sự an tâm và phúc lợi thiết thực cho người lao động mà còn củng cố nền tảng nhân sự ổn định, tạo điều kiện cho doanh nghiệp phát triển bền vững trong dài hạn.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI ĐỊA PHƯƠNG

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

- Tạo dựng sinh kế và phát triển nông nghiệp bền vững: Đây là giá trị cốt lõi của GCF khi gắn kết với người nông dân tại các vùng nguyên liệu (Ninh Thuận, Bình Thuận).
- Giải quyết việc làm và nâng cao chất lượng nhân lực địa phương: GCF đóng góp trực tiếp vào sự phát triển kinh tế khu vực thông qua việc sử dụng lao động tại chỗ.
- Hoạt động an sinh xã hội và thiện nguyện.





BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

GC Food luôn quyết tâm với định hướng phát triển bền vững trong dài hạn, trong đó việc từng bước tham gia và khai thác các kênh huy động vốn xanh được xác định là một trong những trụ cột chiến lược. Nguồn vốn này dự kiến được sử dụng để triển khai các dự án thân thiện với môi trường, đồng thời hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng xanh xuyên suốt chuỗi hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty.

Trong giai đoạn tiếp theo, GC Food sẽ tiến hành nghiên cứu và xây dựng lộ trình phù hợp nhằm tiếp cận thị trường vốn xanh, bảo đảm tuân thủ các hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc triển khai sẽ gắn với các yêu cầu về công bố thông tin, quản lý và sử dụng vốn huy động, thẩm định dự án cũng như báo cáo tác động môi trường, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thông lệ quốc tế.

CHƯƠNG

03

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NHỮNG THUẬN LỢI VÀ THÁCH THỨC CỦA GCF TRONG NĂM 2025

Thuận lợi

Năm 2025 ghi nhận bước chuyển biến quan trọng trong cấu trúc sở hữu khi Công ty hoàn tất đợt phát hành riêng lẻ thành công, qua đó CTCP Nguyên liệu Á Châu (AIG) chính thức trở thành công ty mẹ. Sự kiện này không chỉ củng cố nền tảng quản trị và định hướng chiến lược dài hạn mà còn giúp GC Food được hưởng lợi từ hệ sinh thái của AIG, bao gồm năng lực thị trường, mạng lưới khách hàng, kinh nghiệm quản trị và các nguồn lực hỗ trợ đồng bộ.

Nguồn vốn thu được từ đợt phát hành riêng lẻ đã góp phần cải thiện đáng kể năng lực tài chính của Công ty. GC Food chủ động giảm mạnh các khoản nợ vay ngắn hạn, qua đó giảm áp lực chi phí tài chính và nâng cao hệ số an toàn vốn. Đồng thời, Công ty có thêm nguồn lực để tăng cường đầu tư cho hoạt động sản xuất – kinh doanh, cải tiến công nghệ và mở rộng quy mô theo định hướng phát triển bền vững.

Nền tảng nội tại tiếp tục được củng cố thông qua việc hoàn thiện hệ thống quản trị, chuẩn hóa quy trình vận hành và tăng cường kiểm soát nội bộ. Những cải tiến này góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, tối ưu chi phí và tăng khả năng thích ứng trước các biến động của thị trường.

Nhu cầu đối với các dòng sản phẩm chế biến của Công ty tại một số thị trường xuất khẩu trọng điểm vẫn duy trì xu hướng tích cực. Đây là cơ sở để G.C Food tiếp tục mở rộng thị phần, gia tăng giá trị gia tăng và củng cố vị thế trong chuỗi cung ứng quốc tế.

Khó khăn

Bên cạnh những thuận lợi đạt được, năm 2025 tiếp tục đặt Công ty trước nhiều thách thức đến từ môi trường kinh tế vĩ mô toàn cầu. Các điều chỉnh chính sách tiền tệ của Hoa Kỳ, đặc biệt là những đợt thay đổi lãi suất của FED, cùng với biến động trong chính sách thuế quan thương mại quốc tế đã tác động đến tỷ giá và chi phí xuất khẩu. Mặc dù Hoa Kỳ không phải là thị trường chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu, các biến động này vẫn ảnh hưởng gián tiếp đến mặt bằng giá bán, chi phí đầu vào và biên lợi nhuận của Công ty thông qua tác động lan tỏa lên thị trường tài chính và thương mại toàn cầu.

Song song đó, các căng thẳng và xung đột địa chính trị tiếp tục diễn biến phức tạp, làm gia tăng rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng, biến động chi phí logistics và tâm lý thận trọng từ phía đối tác, khách hàng. Những yếu tố này khiến môi trường thương mại quốc tế trở nên khó dự báo hơn, đòi hỏi Công ty phải nâng cao năng lực quản trị rủi ro, chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó linh hoạt và thận trọng trong điều hành.

Tại Việt Nam, năm 2025 được ghi nhận là một năm có diễn biến thiên tai cực kỳ bất thường, gây ra những thiệt hại nghiêm trọng trên cả nước. Không đứng ngoài tầm ảnh hưởng, các vùng nguyên liệu của Công ty cũng chịu tác động đáng kể từ các đợt bão lũ và ngập lụt kỷ lục trong năm qua, gây gián đoạn nguồn cung và ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất. Thực tế này đặt ra yêu cầu cấp thiết trong việc đa dạng hóa vùng nguyên liệu, củng cố liên kết với nông dân và từng bước nâng cao khả năng thích ứng trước những tác động ngày càng rõ nét của biến đổi khí hậu, nhằm đảm bảo tính ổn định và bền vững cho chuỗi giá trị của Công ty trong dài hạn.

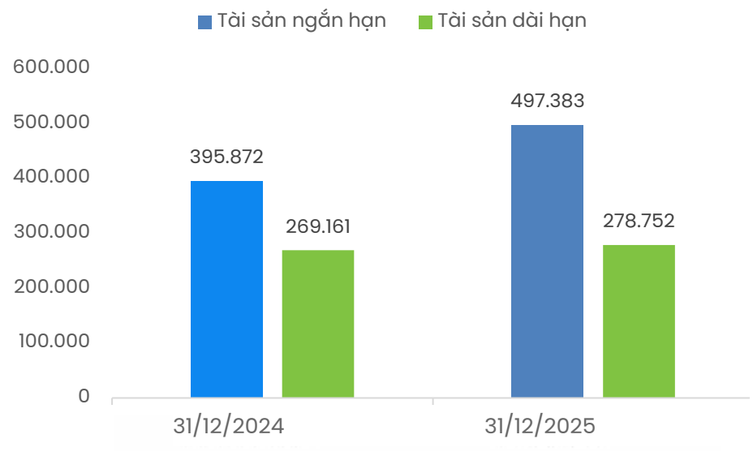
NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2025 ghi nhận những bước tiến tích cực trong kết quả hoạt động của G.C Food khi doanh thu và lợi nhuận sau thuế đều duy trì đà tăng trưởng so với cùng kỳ. Trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, Công ty vẫn kiểm soát hiệu quả biên lợi nhuận gộp thông qua việc tối ưu cơ cấu sản phẩm, nâng cao hiệu suất vận hành và quản lý chặt chẽ chi phí đầu vào.

Song song với tăng trưởng kinh doanh, G.C Food đã chủ động tái cấu trúc tài chính theo hướng an toàn và bền vững hơn. Các khoản nợ vay được cắt giảm đáng kể, qua đó giảm áp lực chi phí lãi vay và cải thiện các chỉ số an toàn tài chính. Việc củng cố cơ cấu nguồn vốn theo hướng tự chủ hơn không chỉ nâng cao sức chống chịu trước biến động bên ngoài mà còn tạo nền tảng vững chắc, chuẩn bị nguồn lực cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN



Kết thúc năm 2025, tổng tài sản của Công ty đạt 776,14 tỷ đồng, tăng 16,71% so với thời điểm cuối năm trước, cho thấy quy mô hoạt động tiếp tục được mở rộng. Động lực tăng trưởng tài sản trong năm chủ yếu đến từ sự gia tăng của nhóm tài sản ngắn hạn, với giá trị đạt 497,38 tỷ đồng, chiếm 64,08% tổng tài sản. Sự gia tăng này tập trung vào các khoản mục có tính thanh khoản cao như tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho, qua đó củng cố nền tảng tài chính phục vụ hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Bên cạnh đó, tại thời điểm 31/12/2025, tài sản dài hạn đạt 278,75 tỷ đồng, tăng nhẹ 3,56% so với cuối năm 2024 nhưng tỷ trọng của nhóm tài sản này trong cơ cấu tổng tài sản lại có xu hướng giảm. Nguyên nhân chủ yếu do tốc độ tăng trưởng của tài sản ngắn hạn diễn ra mạnh mẽ hơn, kết hợp với việc Công ty chủ động thực hiện xóa sổ một số tài sản cố định không còn hiệu quả trong vận hành, tập trung nguồn vốn vào những tài sản có khả năng tạo ra giá trị cao hơn trong tương lai. Trong năm, Công ty cũng tiếp tục duy trì đầu tư vào tài sản dài hạn như máy móc, thiết bị, nhà máy, phần mềm máy tính nhằm bảo đảm năng lực sản xuất.

Tổng tài sản năm 2025 đạt

776.135 TRIỆU ĐỒNG

tăng 15,17% so với năm 2024

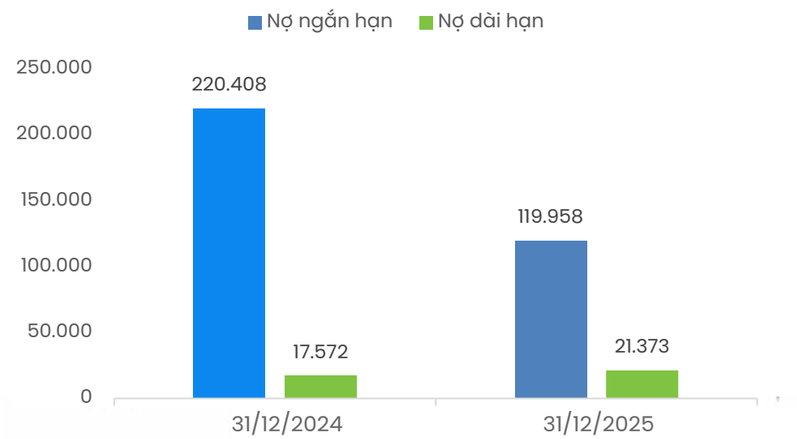
Tài sản ngắn hạn

↑ 25,64%

Tài sản dài hạn

↑ 3,56%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ



Tổng nợ phải trả của Công ty đạt 141,33 tỷ đồng, chiếm 84,88% tổng nợ phải trả, giảm 59,39% so với thời điểm cuối năm 2024, cho thấy xu hướng cải thiện rõ rệt về cơ cấu nguồn vốn trong năm. Cụ thể, nợ ngắn hạn giảm xuống còn 119,96 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 54,43% so với năm trước, kéo theo tỷ trọng trong tổng nợ phải trả giảm từ 92,62% xuống còn 84,88%. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty chủ động thanh toán phần lớn các khoản vay ngân hàng ngắn hạn, dư nợ vay tài chính ngắn hạn giảm 45,57%, từ 154,41 tỷ đồng với cuối năm 2024 xuống còn 62,71 tỷ đồng cuối năm 2025. Việc giảm quy mô vay ngắn hạn góp phần cải thiện dòng tiền và nâng cao mức độ linh hoạt trong quản lý nguồn vốn.

Trong khi đó, nợ dài hạn ghi nhận mức tăng, đạt 21,63 tỷ đồng tại thời điểm 31/12/2025, tương ứng mức tăng 121,63% so với cuối năm 2024, và chiếm 15,12% tổng nợ phải trả chủ yết do thuế thu nhập hoãn lại phải trả từ tiền thuê đất. Cơ cấu nợ dài hạn nhìn chung được duy trì ổn định, phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn và khả năng cân đối dòng tiền trong trung và dài hạn.



Tổng nợ phải trả năm 2025 giảm còn

141.331 TRIỆU ĐỒNG

giảm 59,39% so với năm 2024

Nợ ngắn hạn

↓ 45,57%

Nợ dài hạn

↑ 21,63%

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

ĐỊNH HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ PHÁT TRIỂN CHUNG

Đẩy mạnh lộ trình hiện đại hóa thông qua việc nhân đôi công suất tại 02 nhà máy hiện hữu. Việc mở rộng này không chỉ đơn thuần là gia tăng về số lượng, mà còn đi kèm với đầu tư dây chuyền công nghệ tự động hóa, khép kín từ khâu thu mua đến thành phẩm. Trọng tâm sản xuất dịch chuyển mạnh mẽ từ sơ chế thô sang chế biến chuyên sâu các dòng sản phẩm từ Nha đam và Thạch dừa, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe nhất của ngành F&B, dược mỹ phẩm và các chứng chỉ xuất khẩu quốc tế.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm qua, GC Food tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng minh bạch, chuyên nghiệp và phù hợp với các chuẩn mực phát triển bền vững. Công ty duy trì nguyên tắc tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật Việt Nam, đặc biệt là Luật Doanh nghiệp 2020, đồng thời từng bước tiệm cận các thông lệ quản trị tốt trên thị trường. Cơ cấu tổ chức được thiết kế với sự tách bạch rõ ràng giữa vai trò của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, bảo đảm tính độc lập trong định hướng chiến lược và điều hành hoạt động, qua đó nâng cao hiệu quả giám sát và minh bạch trong quản trị.

Bộ máy tổ chức được rà soát và kiện toàn theo hướng tối ưu hóa sự phối hợp giữa các cấp lãnh đạo và các đơn vị chức năng, tạo sự thống nhất trong triển khai mục tiêu chiến lược. Các phòng ban được sắp xếp theo từng khối chuyên môn, với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định rõ ràng, phù hợp với đặc thù vận hành đa ngành của Công ty. Việc phân định trách nhiệm cụ thể giúp nâng cao tính chủ động, tăng cường hiệu quả phối hợp và giảm thiểu chồng chéo trong quá trình thực thi.

Thông qua các cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý, GC Food từng bước xây dựng nền tảng quản trị vững chắc, góp phần nâng cao năng lực điều hành, củng cố niềm tin của cổ đông và tạo tiền đề cho sự phát triển ổn định, bền vững trong giai đoạn tiếp theo.





GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của Kiểm toán đối với báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C là ý kiến chấp nhận toàn phần.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty đã duy trì việc giám sát và kiểm soát hiệu quả các chỉ tiêu môi trường trọng yếu, bao gồm mức tiêu thụ năng lượng, nước, quản lý nước thải và chất thải rắn. Các hệ thống xử lý môi trường tại nhà máy được vận hành ổn định, tuân thủ đúng quy trình kỹ thuật và đáp ứng các quy chuẩn hiện hành, góp phần hạn chế tác động đến môi trường xung quanh.

Công ty tiếp tục triển khai các giải pháp tối ưu hóa việc sử dụng tài nguyên, nâng cao hiệu suất sử dụng nước và điện năng trong sản xuất. Hoạt động tái sử dụng và tiết giảm tiêu hao được chú trọng, giúp giảm áp lực lên nguồn tài nguyên tự nhiên đồng thời cải thiện hiệu quả chi phí. Các chỉ số quan trắc môi trường được theo dõi định kỳ, không ghi nhận trường hợp vi phạm quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong năm.

Ban Tổng Giám đốc cam kết tiếp tục đẩy mạnh các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả, từng bước ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường và nâng cao ý thức tuân thủ trong toàn hệ thống. Đây là nền tảng quan trọng để Công ty hướng đến mục tiêu tăng trưởng gắn liền với trách nhiệm môi trường và phát triển bền vững trong dài hạn.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Nguồn nhân lực là nền tảng quan trọng bảo đảm sự ổn định và phát triển của GC Food. Mặc dù bối cảnh thị trường còn nhiều biến động, Công ty vẫn duy trì lực lượng lao động ổn định, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động, đồng thời triển khai đầy đủ các chính sách về lương thưởng, phúc lợi theo quy định và theo định hướng cạnh tranh trên thị trường.

Các chương trình đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn và kỹ năng quản lý được tổ chức thường xuyên, góp phần cải thiện năng suất lao động và chất lượng vận hành. Môi trường làm việc tiếp tục được chú trọng theo hướng an toàn, tuân thủ các quy định về an toàn, vệ sinh lao động và chăm sóc sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân viên. Quan hệ lao động tại Công ty được duy trì hài hòa, không phát sinh tranh chấp lao động tập thể trong năm.

Ban Tổng Giám đốc ghi nhận sự nỗ lực và tinh thần trách nhiệm của toàn thể người lao động trong việc đồng hành cùng Công ty vượt qua thách thức. Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện chính sách nhân sự, nâng cao chất lượng môi trường làm việc và tạo điều kiện phát triển bền vững cho đội ngũ nhân sự.



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Là một phần không thể tách rời của xã hội, Công ty luôn đặt trách nhiệm cộng đồng song hành cùng hoạt động sản xuất kinh doanh, hướng đến việc xây dựng một tập thể vững mạnh và đóng góp tích cực cho sự phát triển chung. Thông qua sự hợp tác chặt chẽ với các đối tác và cộng đồng địa phương, Công ty không ngừng thúc đẩy nhận thức về phát triển bền vững, góp phần kiến tạo cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn cho mọi người.

Ngoài các hoạt động kinh doanh cốt lõi, Công ty còn tích cực hưởng ứng các phong trào an sinh xã hội do Nhà Nước và địa phương phát động. Công ty xác định rõ rằng thực hiện tốt công tác an sinh xã hội không đơn thuần là nghĩa vụ pháp lý mà còn là trách nhiệm tự nguyện của một doanh nghiệp có tâm với cộng đồng.

Bên cạnh việc đồng hành cùng các chương trình từ thiện, Công ty còn chủ động tham gia bảo vệ môi trường, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng và chia sẻ khó khăn với các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt. Những hoạt động này thể hiện cam kết nhất quán của Công ty trong hành trình phát triển bền vững, đồng thời góp phần củng cố hình ảnh thương hiệu uy tín và có trách nhiệm trong lòng cộng đồng.







CHƯƠNG

04

Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công Ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Hội đồng quản trị đánh giá năm 2025 là năm Công ty đạt được bước tăng trưởng tích cực và có chiều sâu trong bối cảnh thị trường còn nhiều yếu tố bất định. Doanh thu thuần đạt 698,06 tỷ đồng, tăng 19,07% so với năm 2024 và hoàn thành 96,2% kế hoạch năm. Giá vốn hàng bán được kiểm soát phù hợp với tốc độ tăng trưởng doanh thu, qua đó giúp lợi nhuận gộp đạt 219,07 tỷ đồng, tăng 7,22% so với cùng kỳ và đạt 93,75% kế hoạch đề ra. Việc duy trì ổn định biên lợi nhuận gộp trong điều kiện chi phí đầu vào có nhiều biến động cho thấy sự chủ động của Ban Điều hành trong công tác quản trị chi phí và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động. Kết thúc năm 2025, lợi nhuận sau thuế đạt 36,21 tỷ đồng, giảm 43,21% so với năm trước và chỉ đạt 40,31% kế hoạch năm.

Doanh thu thuần		Hoàn thành		Tăng trưởng
698,06	tỷ đồng	96,2%	kế hoạch	19,07%

Lợi nhuận gộp		Hoàn thành		Tăng trưởng
219,07	tỷ đồng	93,75%	kế hoạch	7,22%

Dù kết quả lợi nhuận sau thuế chưa đạt kỳ vọng do tác động khách quan từ chi phí dự phòng và việc xử lý tài sản tồn đọng, Hội đồng Quản trị tin rằng đây là bước lùi cần thiết để làm sạch nền tảng tài chính, tạo đà cho sự phát triển minh bạch và bền vững hơn. Những nỗ lực tối ưu hóa vận hành và duy trì tăng trưởng doanh thu trong năm 2025 chính là minh chứng cho sức chống chịu và tiềm năng bứt phá của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế		Hoàn thành		Giảm
36,21	tỷ đồng	40,31%	kế hoạch	43,21%

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng định hướng chiến lược và giám sát hoạt động điều hành theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. HĐQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường nhằm xem xét, thảo luận và ban hành các nghị quyết liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính và quản trị rủi ro, đảm bảo các quyết sách được đưa ra kịp thời, phù hợp với diễn biến thực tế của thị trường.



HĐQT thường xuyên theo dõi, đánh giá kết quả hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua các báo cáo định kỳ theo quý và năm; đồng thời giám sát việc triển khai các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trên cơ sở đó, HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành điều chỉnh linh hoạt các giải pháp quản trị, tối ưu nguồn lực và kiểm soát rủi ro nhằm hoàn thành các mục tiêu đề ra. Công tác rà soát, cập nhật và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ tiếp tục được chú trọng để đảm bảo tuân thủ pháp luật và nâng cao hiệu quả quản trị.

Bên cạnh đó, HĐQT đã định hướng xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư cho giai đoạn tiếp theo, tập trung vào củng cố nền tảng tài chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững. Các thành viên HĐQT, bao gồm thành viên độc lập, đã phát huy vai trò giám sát và phản biện khách quan, đóng góp ý kiến chuyên môn về chiến lược thị trường, đầu tư, quản trị và kiểm soát nội bộ. Nhìn chung, hoạt động của HĐQT trong năm 2025 được triển khai chủ động, thận trọng và nhất quán với mục tiêu bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự phát triển ổn định, dài hạn của Công ty.

VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Hội đồng quản trị đánh giá trong năm qua, Công ty đã tiếp tục thực hiện đầy đủ trách nhiệm đối với môi trường và cộng đồng theo định hướng phát triển bền vững đã đề ra. Các hoạt động sản xuất - kinh doanh được triển khai trên cơ sở tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, an toàn lao động và an sinh xã hội, đồng thời từng bước nâng cao các tiêu chuẩn quản trị theo thông lệ tốt.

Trong công tác bảo vệ môi trường, Công ty duy trì hiệu quả hệ thống kiểm soát và xử lý chất thải, sử dụng tài nguyên tiết kiệm và hợp lý, đồng thời tăng cường các giải pháp giảm thiểu tác động đến môi trường trong toàn bộ chuỗi hoạt động. HĐQT ghi nhận nỗ lực của Ban Điều hành trong việc triển khai đồng thời các mục tiêu môi trường vào kế hoạch sản xuất - kinh doanh, hướng tới tăng trưởng gắn liền với trách nhiệm sinh thái.

Về công tác xã hội, Công ty đảm bảo quyền lợi và phúc lợi chính đáng cho người lao động, duy trì quan hệ lao động hài hòa, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng tại địa phương nơi Công ty hoạt động. HĐQT cho rằng việc cân bằng giữa hiệu quả kinh doanh và trách nhiệm xã hội không chỉ góp phần nâng cao uy tín thương hiệu mà còn tạo nền tảng bền vững cho sự phát triển dài hạn của Công ty.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành, đảm bảo hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty diễn ra ổn định, hiệu quả và phù hợp với các định hướng chiến lược đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT thông qua. Trong bối cảnh môi trường kinh doanh còn nhiều yếu tố biến động, Ban Tổng Giám đốc đã chủ động triển khai các giải pháp linh hoạt nhằm duy trì tăng trưởng, kiểm soát rủi ro và tối ưu nguồn lực.

Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các chỉ tiêu kế hoạch năm, tập trung nâng cao hiệu quả vận hành, cải thiện năng lực tài chính và củng cố hệ thống quản trị nội bộ. Công tác điều hành được thực hiện thận trọng, minh bạch, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty; đồng thời kịp thời báo cáo, tham mưu cho HĐQT trong việc đưa ra các quyết sách quan trọng liên quan đến đầu tư, tài chính và phát triển thị trường.

HĐQT ghi nhận tinh thần trách nhiệm, sự chủ động và nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc cùng đội ngũ quản lý trong việc hoàn thành các mục tiêu năm 2025, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo của Công ty.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bước sang năm 2026, Hội đồng Quản trị sẽ sát cánh cùng Ban Điều hành trong việc thắt chặt kiểm soát chi phí hoạt động, nâng cao chất lượng quản trị rủi ro tín dụng và đẩy mạnh khai thác các tài sản mới đầu tư. Với nền tảng tài chính đã được củng cố và định hướng chiến lược rõ ràng, Công ty quyết tâm khắc phục các tồn đọng, nỗ lực hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu kinh doanh, từ đó mang lại giá trị gia tăng tối ưu và lợi ích dài hạn cho quý Cổ đông.





CHƯƠNG

05

Quản trị công ty

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch HĐQT	
2	Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên HĐQT	
3	Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 09/01/2026
4	Ông Phạm Đăng Long	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 09/01/2026
5	Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 09/01/2026
6	Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 09/01/2026
7	Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 09/01/2026
8	Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 11/04/2025
9	Ông Lê Hoành Sử	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 11/04/2025

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ vai trò, chức năng giám sát hoạt động quản lý, điều hành của Tổng Giám đốc theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo thẩm quyền nhằm bảo đảm hoạt động quản trị, điều hành của Công ty được triển khai hiệu quả và tuân thủ pháp luật. Cụ thể:

Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát thông qua chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng của Tổng Giám đốc về tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của Công ty. Trên cơ sở các báo cáo này, Hội đồng quản trị đã theo dõi, đánh giá kết quả hoạt động, giám sát rủi ro phát sinh và xem xét, cho ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt, quyết định của Hội đồng quản trị.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức đầy đủ các cuộc họp thường kỳ và các cuộc họp định kỳ hàng quý nhằm thảo luận, xem xét và quyết định các nội dung quan trọng liên quan đến hoạt động và định hướng phát triển của Công ty. Các vấn đề phát sinh đã được xem xét, giải quyết kịp thời, bảo đảm tuân thủ Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Biên bản họp, hồ sơ và tài liệu liên quan được lập và lưu trữ đầy đủ theo quy định để phục vụ công tác theo dõi và triển khai thực hiện.

Về định hướng phát triển sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đã tập trung chỉ đạo tăng cường công tác dự báo, theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô, tình hình địa chính trị toàn cầu, cũng như điều kiện kinh doanh trong nước và thực tế hoạt động của Công ty. Đồng thời, Hội đồng quản trị chỉ đạo nâng cao hiệu quả quản lý công suất nhà máy, đẩy nhanh tiến độ sản xuất nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường, kiểm soát chặt chẽ chi phí phát sinh cho từng hoạt động nhằm tối đa hóa lợi nhuận, đồng thời bảo đảm sự ổn định và bền vững trong hoạt động chung của Công ty.

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hiện nay các thành viên HĐQT đang tích cực trao dồi kinh nghiệm quản trị từ các thông lệ tốt trên thị trường và Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, các buổi hội thảo, đối thoại do UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội, VSDC, và các đơn vị chuyên môn tổ chức.

CÁC CUỘC HỌP HĐQT TRONG NĂM 2025

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch HĐQT	17/17	100%	
2	Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên HĐQT	17/17	100%	
3	Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên HĐQT	17/17		
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT	17/17	100%	
5	Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên HĐQT	17/17	100%	
6	Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT	3/3	100%	Miễn nhiệm từ ngày 10/04/2025
7	Ông Lê Hoành Sử	Thành viên HĐQT	3/3	100%	Miễn nhiệm từ ngày 10/04/2025

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ CỦA CÁC CUỘC HỌP

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 01/2025/NQ-HĐQT	17/2/2025	Về việc tiếp tục phân bổ cổ phiếu ESOP chưa được phân phối hết.
2	Số 02/2025/NQ-HĐQT	21/2/2025	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động (ESOP) năm 2024.
3	Số 03/2025/NQ-HĐQT	21/2/2025	Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
4	Số 04/2025/NQ-HĐQT	25/4/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông để trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt.
5	Số 05/2025/NQ-HĐQT	16/5/2025	Về việc Triển khai Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
6	Số 06/2025/NQ-HĐQT	29/5/2025	Thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ tại các Công ty con.
7	Số 07/2025/NQ-HĐQT	03/6/2025	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
8	Số 08/2025/NQ-HĐQT	19/7/2025	Thông qua thay đổi mẫu con dấu của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C
9	Số 09/2025/NQ-HĐQT	19/7/2025	Về việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025
10	Số 10/2025/NQ-HĐQT	28/7/2025	Thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ
11	Số 11/2025/NQ-HĐQT	20/8/2025	Thông qua việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ
12	Số 12/2025/NQ-HĐQT	15/10/2025	Về việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C
13	Số 13/2025/NQ-HĐQT	15/10/2025	Về việc bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty Cổ phần thực phẩm G.C
14	Số 14/2025/NQ-HĐQT	15/10/2025	Thông qua việc điều chỉnh mục đích sử dụng vốn từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ
15	Số 15/2025/NQ-HĐQT	15/10/2025	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
16	Số 16/2025/NQ-HĐQT	10/11/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
17	Số 17/2025/NQ-HĐQT	9/12/2025	Thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu
18	Số 18/2025/NQ-HĐQT	9/12/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
19	Số 19/2025/NQ-HĐQT	29/12/2025	Về việc phê duyệt tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết đại hội đồng cổ đông

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Tiến Đức	Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 09/01/2026
2	Ông Vũ Minh Đức	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 09/01/2026
3	Ông Vũ Anh Tài	Thành viên BKS	
4	Ông Lê Thanh Duy	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 09/01/2026
5	Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 09/01/2026

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng giám sát đối với cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Ban Kiểm soát tiến hành giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua việc kiểm tra, xem xét các báo cáo tài chính, biên bản họp của Hội đồng quản trị, cũng như việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định liên quan. Trên cơ sở đó, Ban Kiểm soát đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty và việc thực hiện các mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được thông qua.

Song song với công tác giám sát, Ban Kiểm soát duy trì sự phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý trong Công ty. Trong năm, sau các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đều được cung cấp đầy đủ, kịp thời các biên bản họp, nghị quyết và tài liệu liên quan nhằm nắm bắt tình hình thực tế về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiến độ thực hiện các dự án đầu tư và tình hình quản lý năng lực, công suất. Việc phối hợp này góp phần nâng cao hiệu quả công tác giám sát, đồng thời bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2025

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Vũ Anh Tài	Trưởng BKS	4/4	100%
2	Ông Lê Thanh Duy	Thành viên BKS	4/4	100%
3	Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên BKS	4/4	100%

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập (đồng)
Hội đồng quản trị		
Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch HĐQT	781.132.500
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT	552.162.500
Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên HĐQT	72.000.000
Bà Hà Thi Bích Vân	Thành viên HĐQT	72.000.000
Ông Lê Hoành Sử	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 11/04/2025)	20.200.000
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 11/04/2025)	20.200.000
Ban Kiểm soát		
Ông Lê Thanh Duy	Trưởng BKS	97.777.774
Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên BKS	61.111.114
Ông Vũ Anh Tài	Thành viên BKS	219.270.259
Ban Tổng Giám đốc		
Bà Bùi Thị Mai Hiên	Tổng Giám đốc	692.170.175
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Phó Tổng Giám đốc	694.077.250
Ông Lê Trí Thông	Phó Tổng Giám đốc	684.785.628
Bà Đồng Thị Nụ	Phó Tổng Giám đốc	677.499.750

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	NNB/NCLQ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Công ty CP Nguyễn Á Châu AIG	Công ty mẹ	13.652.600	42,43%	22.866.360	52,87%	Mua cổ phiếu riêng lẻ và nhận cổ phiếu phát hành
2	Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch Hội đồng quản trị	12.272.000	31,21%	13.499.200	31,21%	Nhận cổ phiếu phát hành
3	Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	755.318	2,46%	1.000.249	2,91%	Mua cổ phiếu ESOP và nhận cổ phiếu phát hành
4	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT	495.600	1,61%	710.160	2.00%	Mua cổ phiếu ESOP và nhận cổ phiếu phát hành
5	Nguyễn Diệp Pháp	Phó Tổng Giám đốc	35.400	0,11%	56.540	0,15%	Mua cổ phiếu ESOP và nhận cổ phiếu phát hành
6	Đồng Thị Nụ	Phó Tổng Giám đốc	5.900	0,02%	152.790	0,43%	Mua cổ phiếu ESOP và nhận cổ phiếu phát hành
7	Nguyễn Thị Châu	Kế toán trưởng	23.600	0,07%	117.260	0,33%	Mua cổ phiếu ESOP và nhận cổ phiếu phát hành
8	Lê Tiến Hoà	Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty	0	0%	33.000	0,09%	Mua cổ phiếu ESOP và nhận cổ phiếu phát hành
9	Nguyễn Văn Thư	Anh trai của Chủ tịch HĐQT	0	0%	90,200	0,25%	Mua cổ phiếu ESOP và nhận cổ phiếu phát hành
10	Nguyễn Đình Thi	Anh trai của Chủ tịch HĐQT, Giám quản trị đốc kiêm người đại diện pháp luật Công ty CP Nắng và Gió	0	0%	5,500	0,02%	Mua cổ phiếu ESOP và nhận cổ phiếu phát hành



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ với công ty	Thời điểm giao dịch	Nội dung, giá trị giao dịch
CTCP Nguyên liệu Á Châu AIG	Công ty mẹ	01/01 – 31/12	Cổ tức công bố: 42.631.760.000 đồng Chi trả cổ tức: 21.844.160.000 đồng
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Người có liên quan của người nội bộ	01/01 – 31/12	Cho vay: 5.000.000.000 đồng Thanh toán khoản vay: 5.000.000.000 đồng
CTCP Thực phẩm Cô Cô Việt Nam	Công ty con	01/01 – 31/12	Mua hàng hóa: 72.722.061.400 đồng Trả tiền vay: 99.000.000.000 đồng Vốn góp: 80.000.000.000 đồng Cho vay: 41.000.000.000 đồng Nhận cổ tức: 33.830.000.000 đồng Cổ tức công bố: 28.752.000.000 đồng Lãi vay: 1.496.282.192 đồng Mua dịch vụ: 1.496.282.192 đồng Mua dịch vụ: 822.222.228 đồng Cung cấp dịch vụ: 270.000.000 đồng Bán hàng hoá: 107.607.478 đồng
CTCP Thực phẩm Cánh Đồng Việt	Công ty con	01/01 – 31/12	Mua hàng hóa: 212.018.031.337 đồng Thu hồi khoản cho vay: 53.400.000.000 đồng Vốn góp: 50.000.000.000 đồng Nhận cổ tức: 29.787.000.000 đồng Cổ tức công bố: 16.914.500.000 đồng Cho vay: 16.400.000.000 đồng Lãi cho vay: 700.600.548 đồng Cung cấp dịch vụ: 222.222.228 đồng Bán hàng hoá 222.222.228 đồng
CTCP Nắng và Gió	Công ty con	01/01 – 31/12	Lãi cho vay: 5.332.704.110 đồng Cho vay: 5.200.000.000 đồng Mua hàng hóa: 714.511.449 đồng
Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch HĐQT	01/01 – 31/12	Tạm ứng: 136.747.172.188 đồng Hoàn tạm ứng: 135.427.464.709 đồng Cổ tức công bố: 31.907.200.000 đồng Chi trả cổ tức: 19.635.200.000 đồng
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT (đến ngày 09/01/2026)	01/01 – 31/12	Hòa tạm ứng: 21.818.231.000 đồng Tạm ứng: 21.780.000.000 đồng Cổ tức công bố: 1.678.560.000 đồng Chi trả cổ tức: 1.032.960.00 đồng
Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên HĐQT (đến ngày 09/01/2026) kiêm Tổng Giám đốc	01/01 – 31/12	Hoàn tạm ứng: 7.961.000.000 đồng Cổ tức công bố: 2.364.226.800 đồng Chi trả cổ tức: 1.454.908.800 đồng Tạm ứng: 320.000.00 đồng

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Trong năm 2025, Công ty đã tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các quy định pháp luật về quản trị công ty theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Cụ thể, Công ty chủ động cử các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và cán bộ phụ trách quản trị tham gia các hội nghị, diễn đàn, chương trình tập huấn chuyên đề nhằm cập nhật kịp thời những thay đổi về quy định pháp lý, nghĩa vụ công bố thông tin và các thông lệ quản trị tiên tiến trên thị trường.

Bên cạnh đó, Công ty duy trì tổ chức các chương trình đào tạo nội bộ định kỳ, tập trung vào việc nâng cao nhận thức tuân thủ, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và minh bạch thông tin. Các quy chế nội bộ liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và công bố thông tin được rà soát, điều chỉnh phù hợp với quy định hiện hành và thực tiễn hoạt động.

Thông qua các hoạt động trên, Công ty đã thực hiện tốt các yêu cầu về quản trị công ty trong năm 2025, không phát sinh vi phạm trọng yếu, đồng thời tiếp tục củng cố nền tảng quản trị minh bạch, chuyên nghiệp và bền vững, đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý và kỳ vọng của cổ đông.



CHƯƠNG

06

Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán



Ý KIẾN KIỂM TOÁN

EY
Shape the future with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Số tham chiếu: 0013858701/E-69239660-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kế toán kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

EY
Shape the future with confidence

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần với vấn đề cần nhấn mạnh về việc Tập đoàn đã hoàn tất tăng vốn cổ phần sau ngày kết thúc năm tài chính thông qua chương trình Lựa chọn cho người lao động, về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 14 tháng 3 năm 2025.

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Ernest Yoong Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2023-004-1

Huỳnh Ngọc Minh Trân
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4637-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (được trình bày lại)
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**497.383.009.890**	**395.872.307.738**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***164.165.443.704***	***25.962.282.781***
111	1. Tiền		77.965.443.704	10.962.282.781
112	2. Các khoản tương đương tiền		86.200.000.000	15.000.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***20.960.050.000***	***35.808.038.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	20.960.050.000	35.808.038.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***199.874.181.483***	***246.575.530.723***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	117.605.769.100	116.669.620.035
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	14.094.208.448	17.147.688.212
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	126.019.891.180	148.710.280.089
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9	(57.845.687.245)	(35.952.057.613)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***10***	***94.851.340.647***	***75.199.128.581***
141	1. Hàng tồn kho		97.793.538.083	75.199.128.581
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.942.197.436)	-
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***17.531.994.056***	***12.327.327.653***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	2.594.222.268	2.133.955.256
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	14.819.859.636	8.609.144.127
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	117.912.152	1.584.228.270
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**278.751.825.779**	**269.160.792.539**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***749.688.605***	***2.105.081.305***
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	749.688.605	2.105.081.305
220	***II. Tài sản cố định***		***232.138.036.752***	***188.104.406.726***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	96.935.843.937	95.562.976.364
222	Nguyên giá		187.611.139.721	181.551.711.729
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(90.675.295.784)	(85.988.735.365)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	135.202.192.815	92.541.430.362
228	Nguyên giá		141.844.729.091	98.071.729.091
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.642.536.276)	(5.530.298.729)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***21.863.557.402***	***53.190.728.924***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	*21.863.557.402*	53.190.728.924
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***15***	***11.349.894.644***	***11.280.238.308***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	15.1	10.201.089.644	10.177.738.308
255	2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	15.2	1.148.805.000	1.102.500.000
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***12.650.648.376***	***14.480.337.276***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	11.637.546.330	14.382.465.264
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	1.013.102.046	97.872.012
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**776.134.835.669**	**665.033.100.277**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**141.331.117.170**	**237.979.866.610**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***119.958.220.155***	***220.407.713.704***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	15.922.721.797	22.234.832.257
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.734.715.871	507.618.845
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	7.676.453.263	11.646.354.574
314	4. Phải trả người lao động		1.149.941.609	7.506.863.879
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	19.770.608.248	15.025.633.342
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	2.210.020.869	1.548.485.102
320	7. Vay ngắn hạn	20	62.712.013.394	154.406.865.097
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.16	8.781.745.104	7.531.060.608
330	***II. Nợ dài hạn***		***21.372.897.015***	***17.572.152.906***
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	1.581.887.015
338	2. Vay dài hạn	20	1.890.000.000	2.520.000.000
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.3	19.482.897.015	13.470.265.891
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**634.803.718.499**	**427.053.233.667**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***	***21.1***	***634.803.718.499***	***427.053.233.667***
411	1. Vốn cổ phần		432.464.710.000	306.799.990.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*432.464.710.000*	*306.799.990.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		142.379.000.000	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		60.784.887.953	113.943.826.420
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước*		*20.349.085.297*	*53.902.684.441*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này*		*40.435.802.656*	*60.041.141.979*
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		(824.879.454)	6.309.417.247
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**776.134.835.669**	**665.033.100.277**

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Đỗ Việt
Người lập/Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thứ
Chủ tịch

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	694.943.376.761	589.880.868.866
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(5.882.938.651)	(11.196.113.659)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	689.060.438.110	578.684.755.207
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23, 26	(469.992.811.715)	(374.366.200.976)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		219.067.626.395	204.318.554.231
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	5.813.238.830	2.849.193.230
22	7. Chi phí tài chính	24	(10.841.796.868)	(15.461.104.271)
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(10.232.682.894)*	*(14.551.392.374)*
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết	15.1	23.351.336	74.632.476
25	9. Chi phí bán hàng	25	(46.600.621.218)	(38.932.355.427)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(90.730.785.816)	(67.160.367.358)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		76.731.012.659	85.688.552.881
31	12. Thu nhập khác	27	1.653.818.760	508.007.074
32	13. Chi phí khác	27	(15.401.310.789)	(364.766.628)
40	14. (Lỗ) lợi nhuận khác	27	(13.747.492.029)	143.240.446
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		62.983.520.630	85.831.793.327
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(21.672.167.898)	(16.615.309.802)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(5.097.401.090)	(5.450.180.153)
60	18. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		36.213.951.642	63.766.303.372

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	19. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông công ty mẹ		43.828.558.651	67.368.298.570
62	20. Lợi nhuận thuần sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(7.614.607.009)	(3.601.995.198)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.4	1.009	1.969
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.4	1.009	1.969

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Đỗ Việt
Người lập/Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thử
Chủ tịch

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**62.983.520.630**	**85.831.793.327**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13	22.620.871.956	18.194.581.992
03	Dự phòng		24.835.827.068	21.945.155.837
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(814.326.506)	(352.632.753)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.949.388.147)	(491.602.910)
06	Chi phí lãi vay	24	10.232.682.894	14.551.392.374
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**116.909.187.895**	**139.678.687.867**
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		21.801.448.206	(85.799.571)
10	Tăng hàng tồn kho		(22.594.409.502)	(7.387.206.112)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(6.009.875.353)	27.553.865.110
12	Giảm chi phí trả trước		2.284.651.922	758.285.241
14	Tiền lãi vay đã trả		(10.232.682.894)	(14.551.392.374)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(25.460.603.783)	(19.118.231.579)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.213.333.914)	(3.799.702.621)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**71.484.382.577**	**123.048.505.961**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(36.804.048.741)	(66.791.353.180)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		1.419.417.455	48.276.655.043
23	Tiền chi cho vay và gửi tiết kiệm		(80.398.317.000)	(95.541.616.000)
24	Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi tiết kiệm		95.352.012.000	72.800.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	10.025.000.000
27	Tiền lãi nhận được		1.259.361.519	752.821.940
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(19.171.574.767)**	**(30.478.492.197)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	21.1	229.488.550.000	355.000.000
33	Tiền thu từ đi vay	20	482.783.391.977	475.941.168.044
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(575.108.243.680)	(557.709.066.397)
36	Cổ tức đã trả		(51.870.101.600)	(253.250.000)
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính**		**85.293.596.697**	**(81.666.148.353)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm**		**137.606.404.507**	**10.903.865.411**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**25.962.282.781**	**15.028.157.367**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		596.756.416	30.260.003
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**4**	**164.165.443.704**	**25.962.282.781**

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Đỗ Việt
Người lập/Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thứ
Chủ tịch

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm G.C ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3602503768 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("Sở KH&ĐT") Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 31 tháng 5 năm 2011 và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Hoạt động chính theo đăng ký của Công ty là buôn bán thực phẩm (trừ thịt động vật hoang dã thuộc hàng cấm); và kinh doanh bất động sản.

Công ty có trụ sở chính tại Lô V-2E, Đường số 11, Khu Công nghiệp Hố Nai, Phường Hố Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam; và Văn phòng đại diện đăng ký tại số 11C, Đường Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thạnh Mỹ Tây, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 828 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 610).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 3 công ty con trực tiếp và 1 công ty liên kết, chi tiết như sau:

Các công ty con bao gồm:

Tên công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết*
			%
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt ("VFF")	Sản xuất chế biến nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành	Đang hoạt động	99,29
Công ty Cổ phần Nắng Và Gió ("SW")	Trồng cây ăn quả và chăn nuôi gia cầm	Đang hoạt động	88,00
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cô Cô Việt Nam ("VNCC")	Sản xuất nước giải khát: nha đam, thạch dừa, thạch sữa chua, thảo mộc, sữa đậu nành	Đang hoạt động	99,50

Công ty liên kết bao gồm:

Tên công ty liên kết	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết*
			%
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Nhiệt đới Sài Gòn ("SGTD")	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	Chưa hoạt động	20,00

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính, và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam ("CMKTVN") khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất , kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký Chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất .

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 *Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 99 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và sẽ áp dụng Thông tư 99 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối năm với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm bán thành phẩm, hàng hóa áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất . Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 *Tài sản cố định vô hình* (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 15 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 6 năm
Khác	5 - 6 năm

3.8 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả, theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh được Tập đoàn ghi nhận toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn/Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 *Các khoản phải trả và trích trước*

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn ("VND", được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn ("VND", được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau: (tiếp theo)

- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

3.14 *Vốn góp của chủ sở hữu*

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.15 *Lãi trên cổ phiếu*

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.16 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại Hội đồng Cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.19 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất và mua bán sản phẩm và dịch vụ là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn, do vậy Ban Tổng Giám đốc giả định rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Tập đoàn theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Việt Nam.

3.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Tiền mặt	114.149.089	297.752.053
Tiền gửi ngân hàng	77.851.294.615	10.664.530.728
Các khoản tương đương tiền *(*)*	86.200.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	**164.165.443.704**	**25.962.282.781**

(*) Số dư này thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng tại các Ngân hàng Thương mại và hưởng lãi suất 4,75%/năm.

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Charterd (Việt Nam) với kỳ hạn gốc sáu (6) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 0%/năm đến 4,75%/năm.

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã dùng toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn này làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải thu từ khách hàng	97.175.392.200	94.714.711.057
- *Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nha Đam PESO*	*13.967.779.778*	-
- *Công ty Cổ phần Thực phẩm và Nước Giải khát Nam Việt*	*11.096.664.120*	*1.352.084.400*
- *Công ty Cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood Bình Dương*	*10.729.998.150*	*8.841.677.118*
- *Công ty Cổ phần Sữa Quốc tế LOF – Nhà máy sữa LOF Hà Nội*	*4.133.060.166*	*4.636.440.000*
- *OKF Corporation*	*51.089.996.530*	-
- *Các khoản phải thu khách hàng khác*	*13.967.779.778*	*79.884.509.539*
Phải thu các bên liên quan *(Thuyết minh số 29)*	20.430.376.900	21.954.908.978
TỔNG CỘNG	**117.605.769.100**	**116.669.620.035**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *(Thuyết minh số 9)*	(42.205.891.245)	(26.881.994.563)
GIÁ TRỊ THUẦN	**75.399.877.855**	**89.787.625.472**

Như đã được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã dùng một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Số đầu năm	(26.881.994.563)	(13.280.181.981)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(26.923.896.682)	(13.755.543.916)
Trừ: Trích lập dự phòng trong năm	-	153.731.334
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong năm	11.600.000.000	-
Số cuối năm	(42.205.891.245)	(26.881.994.563)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm (được trình bày lại)*
Trả trước cho nhà cung cấp	12.394.650.994	15.903.680.679
- Công ty TNHH Bao Bì Ta	*5.100.000.000*	*5.100.000.000*
- Công ty TNHH Cơ Khí Môi Trường Quốc Bảo	*1.224.600.760*	*1.224.600.760*
- Công ty TNHH Công Nghệ Robota	*920.080.000*	*920.080.000*
- Khác	*5.149.970.234*	*8.658.999.919*
Trả trước cho cho các bên liên quan *(Thuyết minh số 29)*	1.699.557.454	1.244.007.533
TỔNG CỘNG	**14.094.208.448**	**17.147.688.212**
Dự phòng nợ ngắn hạn khó đòi *(Thuyết minh số 9)*	(5.498.256.000)	(4.752.478.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	**8.595.952.448**	**12.395.210.212**

8. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm (được trình bày lại)*
Ngắn hạn	**126.019.891.180**	**148.710.280.089**
Tạm ứng phát triển vùng nguyên liệu *(*)*	113.796.201.000	115.069.600.000
Tạm ứng cho nhân viên	10.090.790.566	29.059.450.449
Lãi tiền gửi	1.791.989.079	-
Khác	340.910.535	4.581.229.640
Dài hạn	**749.688.605**	**2.105.081.305**
Ký quỹ dài hạn	749.688.605	2.105.081.305
TỔNG CỘNG	**126.769.579.785**	**150.815.361.394**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi *(Thuyết minh số 9)*	(10.141.540.000)	(4.317.585.050)
GIÁ TRỊ THUẦN	**116.628.039.785**	**146.497.776.344**
Trong đó:		
Phải thu bên khác	*87.582.617.822*	*104.570.885.248*
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)	*39.186.961.963*	*46.244.476.145*

nguyên liệu phục vụ cho kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn. Khoản phải
vụ của Ông Nguyễn Văn Thứ tại Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị của

VND

	Số đầu năm			*Số cuối năm*		
	Giá trị nợ gốc	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Giá trị nợ gốc*	*Dự phòng*	*Giá trị có thể thu hồi*
Ông Nguyễn Thành Chương	11.750.000.000	-	11.750.000.000	11.750.000.000	(3.525.000.000)	8.225.000.000
Ông Nguyễn Minh Tú	5.800.000.000	-	5.800.000.000	5.800.000.000	(1.740.000.000)	4.060.000.000
Công ty TNHH Bao bì Ta	5.100.000.000	-	5.100.000.000	5.100.000.000	(5.100.000.000)	-
Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô	-	-	-	63.256.228.566	(47.480.687.245)	15.775.541.321
Khác	-	-	-	-	-	-
	85.906.228.566	**(57.845.687.245)**	**28.060.541.321**	**93.760.232.961**	**(35.952.057.613)**	**57.808.175.348**

(*) Đây là khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất phát triển vùng nguyên liệu phục vụ cho kế hoạch kinh doanh của Tập đoàn. Khoản phải thu này được đảm bảo bằng toàn bộ cổ phần cần thiết thuộc sở hữu của Ông Nguyễn Văn Thứ tại Công ty, theo Thỏa thuận Bảo lãnh ngày 16 tháng 3 năm 2026.

9. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

VND

	Số cuối năm		*Số đầu năm*	
	Giá trị nợ gốc	*Dự phòng*	*Giá trị nợ gốc*	*Dự phòng*
Ông Nguyễn Thành Chương	11.750.000.000	(3.525.000.000)	11.750.000.000	-
Ông Nguyễn Minh Tú	5.800.000.000	(1.740.000.000)	5.800.000.000	-
Công ty TNHH Bao bì Ta	5.100.000.000	(5.100.000.000)	5.100.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Pháp luật Thiên Minh	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô	-	-	11.600.000.000	(11.600.000.000)
Khác	63.256.228.566	(47.480.687.245)	3.959.295.050	(3.959.295.050)
	85.906.228.566	**(57.845.687.245)**	**55.550.937.911**	**(20.392.762.563)**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

10. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Thành phẩm	57.357.091.575	29.985.792.703
Nguyên liệu, vật liệu	17.001.911.061	14.171.853.890
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.901.721.586	27.470.186.379
Hàng gửi đi bán	8.904.407.840	-
Công cụ, dụng cụ	1.877.834.973	1.882.524.989
Hàng hóa	1.750.571.048	1.688.770.620
TỔNG CỘNG	**97.793.538.083**	**75.199.128.581**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.942.197.436)	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**94.851.340.647**	**75.199.128.581**

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã dùng một phần hàng tồn kho làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Ngắn hạn	**2.594.222.268**	**2.133.955.256**
Công cụ, dụng cụ	1.155.445.521	1.391.933.446
Chi phí phần mềm	836.315.186	126.048.492
Khác	602.461.561	615.973.318
Dài hạn	**11.637.546.330**	**14.382.465.264**
Tiền thuê đất	6.866.838.712	7.333.316.419
Chi phí trồng trọt ban đầu	1.415.154.316	1.991.500.627
Công cụ, dụng cụ	892.690.704	2.933.831.715
Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa	515.144.025	117.614.200
Khác	1.947.718.573	2.006.202.303
TỔNG CỘNG	**14.231.768.598**	**16.516.420.520**

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	*Máy móc, thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá						
Số đầu năm	85.866.877.644	60.058.013.602	15.297.127.148	178.603.586	20.151.089.749	181.551.711.729
Mua mới	854.922.273	12.887.721.439	550.000.000	-	1.870.671.803	16.163.315.515
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	2.862.154.247	12.946.970.018	-	-	407.314.410	16.216.438.675
Thanh lý	(1.122.374.578)	(5.785.367.456)	(1.289.645.455)	(105.000.000)	-	(8.302.387.489)
Xóa sổ	(11.793.073.867)	(6.188.286.380)	(36.578.462)	-	-	(18.017.938.709)
Số cuối năm	76.668.505.719	73.919.051.223	14.520.903.231	73.603.586	22.429.075.962	187.611.139.721
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	23.106.517.414	26.025.735.778	1.747.690.693	32.239.950	827.369.800	51.739.553.635
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	(30.696.701.778)	(37.272.730.679)	(5.889.693.036)	(145.512.678)	(11.984.097.194)	(85.988.735.365)
Khấu hao trong năm	(5.265.504.589)	(11.349.030.838)	(2.460.846.514)	(8.272.728)	(2.017.979.740)	(21.101.634.409)
Thanh lý	648.433.124	5.544.938.593	527.297.491	105.000.000	-	6.825.669.208
Xóa sổ	5.673.022.568	3.901.141.189	15.241.025	-	-	9.589.404.782
Số cuối năm	(29.640.750.675)	(39.175.681.735)	(7.808.001.034)	(48.785.406)	(14.002.076.934)	(90.675.295.784)
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	55.170.175.866	22.785.282.923	9.407.434.112	33.090.908	8.166.992.555	95.562.976.364
Số cuối năm	47.027.755.044	34.743.369.488	6.712.902.197	24.818.180	8.426.999.028	96.935.843.937

Như được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã dùng một phần tài sản cố định làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	*Phần mềm máy tính*	*Tổng cộng*
Nguyên giá			
Số đầu năm	97.609.820.000	461.909.091	98.071.729.091
Mua mới trong năm	-	105.000.000	105.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành	44.075.000.000	-	44.075.000.000
Thanh lý	-	(407.000.000)	(407.000.000)
Số cuối năm	141.684.820.000	159.909.091	141.844.729.091
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(5.094.047.181)	(436.251.548)	(5.530.298.729)
Hao mòn trong năm	(1.489.477.956)	(29.759.591)	(1.519.237.547)
Thanh lý	-	407.000.000	407.000.000
Số cuối năm	(6.583.525.137)	(59.011.139)	(6.642.536.276)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	92.515.772.819	25.657.543	92.541.430.362
Số cuối năm	135.101.294.863	100.897.952	135.202.192.815

Như đã được trình bày tại *Thuyết minh số 20*, Tập đoàn đã sử dụng Quyền sử dụng đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tập đoàn.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Mua sắm tài sản cố định	20.119.674.107	5.848.271.080
Chi phí mua quyền sử dụng đất	-	43.000.000.000
Khác	1.743.883.295	4.342.457.844
TỔNG CỘNG	**21.863.557.402**	**53.190.728.924**

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

15.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu như sau:

VND

	Công ty Cổ phần Nước Giải khát Nhiệt đới Sài Gòn
Giá trị đầu tư	
Số đầu năm và số cuối năm	10.000.000.000
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết	
Số đầu năm	177.738.308
Phần lợi nhuận trong năm được chia từ công ty liên kết	23.351.336
Số cuối năm	201.089.644
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	10.177.738.308
Số cuối năm	10.201.089.644

15.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam với thời gian đáo hạn là ngày 15 tháng 8 năm 2027 và hưởng lãi suất là 4,2%/năm.

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Phải trả bên khác	15.640.212.697	21.928.544.257
- *Công ty TNHH Vận tải Hoàng Nam S.G*	*1.687.310.287*	*798.483.277*
- *Công ty TNHH MTV Cơ Khí Xăng Dầu Đồng Nai*	*1.031.940.000*	*748.000.000*
- *Công ty TNHH Ojitex (Việt Nam) - Chi nhánh Long Thành*	*951.588.000*	*1.384.128.000*
- *Khác*	*11.969.374.410*	*18.997.932.980*
Phải trả bên liên quan *(Thuyết minh số 29)*	282.509.100	306.288.000
TỔNG CỘNG	**15.922.721.797**	**22.234.832.257**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC

VND

	Số đầu năm	*Tăng trong năm*	*Giảm trong năm*	*Số cuối năm*
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.490.127.897	21.672.167.898	(25.460.603.783)	5.701.692.012
Thuế giá trị gia tăng	1.580.899.584	34.457.105.047	(34.626.602.069)	1.411.402.562
Thuế thu nhập cá nhân	575.327.093	4.195.221.876	(4.207.190.280)	563.358.689
Thuế khác	-	1.111.223.477	(1.111.223.477)	-
TỔNG CỘNG	**11.646.354.574**	**61.435.718.298**	**(65.405.619.609)**	**7.676.453.263**
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	8.609.144.127	32.691.993.023	(26.481.277.514)	14.819.859.636
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.466.316.118	-	(1.466.316.118)	-
Thuế khác	117.912.152	3.000.000	(3.000.000)	117.912.152
TỔNG CỘNG	**10.193.372.397**	**32.694.993.023**	**(27.950.593.632)**	**14.937.771.788**

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Lương tháng 13 và thưởng	10.475.595.898	6.627.428.709
Chi phí mua nguyên vật liệu	6.616.932.079	4.501.391.454
Chi phí vận chuyển	513.670.724	673.705.104
Chi phí đào tạo	409.900.000	1.272.000.000
Khác	1.754.509.547	1.951.108.075
TỔNG CỘNG	**19.770.608.248**	**15.025.633.342**

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Đặt cọc	1.055.080.000	1.022.040.000
Kinh phí công đoàn	398.293.813	87.158.222
Cổ tức phải trả	266.633.200	383.000.000
Khác	490.013.856	56.286.880
TỔNG CỘNG	**2.210.020.869**	**1.548.485.102**
Trong đó:		
Phải trả bên khác	*1.944.284.469*	*1.165.485.102*
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 29)	*265.736.400*	*383.000.000*

20. VAY

	Số đầu năm	*Phân loại*	*Số cuối năm*
Vay ngắn hạn	**154.406.865.097**	**630.000.000**	**62.712.013.394**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 20.1)*	153.776.865.097	-	62.082.013.394
Vay dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 20.2)*	630.000.000	630.000.000	630.000.000
Vay dài hạn	**2.520.000.000**	**(630.000.000)**	**1.890.000.000**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 20.2)*	2.520.000.000	(630.000.000)	1.890.000.000
TỔNG CỘNG	**156.926.865.097**	**-**	**64.602.013.394**

	Đi vay	*Trả nợ gốc vay*	*Phân loại*	*Số cuối năm*
Vay ngắn hạn	**783.391.977**	**(575.108.243.680)**	**630.000.000**	**62.712.013.394**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 20.1)*	783.391.977	(574.478.243.680)	-	62.082.013.394
Vay dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 20.2)*	-	(630.000.000)	630.000.000	630.000.000
Vay dài hạn	**-**	**-**	**(630.000.000)**	**1.890.000.000**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 20.2)*	-	-	(630.000.000)	1.890.000.000
TỔNG CỘNG	**783.391.977**	**(575.108.243.680)**	**-**	**64.602.013.394**

20.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Tập đoàn thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Tên ngân hàng	*Số cuối năm (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	43.703.336.594	Từ ngày 9 tháng 3 năm 2026 đến ngày 4 tháng 5 năm 2026	5,1 – 5,95	Tiền gửi không kỳ hạn giá trị 170.393.353 VND, Tiền gửi có kỳ hạn giá trị 83.000 USD và 2.000.000.000 VND tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Tỉnh Khánh Hòa	18.378.676.800	Từ ngày 19 tháng 1 năm 2026 đến ngày 19 tháng 2 năm 2026	5,3 – 5,6	Quyền tài sản và quyền đòi nợ liên quan đến các hợp đồng có đặc điểm kinh tế, thương mại, cung cấp hàng hóa cho các đối tác của VFF; Hàng tồn kho của VFF và quyền đòi nợ, quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác phát sinh từ hàng tồn kho.
TỔNG CỘNG	**62.082.013.394**			

20. VAY (tiếp theo)

20.2 *Vay dài hạn ngân hàng*

Tập đoàn thực hiện khoản vay ngân hàng dài hạn nhằm tài trợ cho mua sắm tài sản cố định. Chi tiết được trình bày như sau:

Ngân hàng	*Số cuối năm*	*Kỳ hạn*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	VND		*%/năm*	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	2.520.000.000	Từ ngày 25 tháng 1 năm 2026 đến ngày 24 tháng 12 năm 2029	7,9	Tài sản cố định hữu hình với giá trị được định giá là 4.428.181.818 VND.
Trong đó:				
Vay dài hạn	*1.890.000.000*			
Vay dài hạn đến hạn trả	*630.000.000*			

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Lợi ích cổ đông không kiểm soát*	*Tổng cộng*
Năm trước					
Số đầu năm	306.799.990.000	-	53.525.198.670	9.939.412.445	370.264.601.115
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	67.368.298.570	(3.601.995.198)	63.766.303.372
Tăng vốn ở công ty con	-	-	-	355.000.000	355.000.000
Cổ tức	-	-	-	(383.000.000)	(383.000.000)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(6.949.670.820)	-	(6.949.670.820)
Số cuối năm	306.799.990.000	-	113.943.826.420	6.309.417.247	427.053.233.667
Năm nay					
Số đầu năm	306.799.990.000	-	113.943.826.420	6.309.417.247	427.053.233.667
Tăng vốn theo chương trình Lựa chọn cho người lao động *(i)*	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Tăng vốn bằng tiền trong năm *(ii)*	71.350.000.000	142.379.000.000	-	759.550.000	214.488.550.000
Tăng vốn từ lợi nhuận chưa phân phối *(iii)*	39.314.720.000	-	(39.314.720.000)	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	43.828.558.651	(7.614.607.009)	36.213.951.642
Cổ tức *(iv)*	-	-	(51.487.998.400)	(265.736.400)	(51.753.734.800)
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi *(v)*	-	-	(6.184.778.718)	(13.503.292)	(6.198.282.010)
Số cuối năm	432.464.710.000	142.379.000.000	60.784.887.953	(824.879.454)	634.803.718.499

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu* (tiếp theo)

(i) Vào ngày 5 tháng 12 năm 2024, theo Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc phát hành 1.500.000 cổ phiếu cho người lao động theo chương trình Lựa chọn cho người lao động.

Việc phát hành trên đã được hoàn thành vào ngày 18 tháng 2 năm 2025 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành cho người lao động là 1.500.000 cổ phiếu, và mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 306.799.990.000 VND lên thành 321.799.990.000 VND. Việc phát hành cổ phần này được chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước tại Thông báo số 07/UBCK-QLCB vào ngày 5 tháng 3 năm 2025.

Vào ngày 13 tháng 3 năm 2025, Công ty đã được Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 20 cho việc tăng vốn nói trên.

(ii) Vào ngày 16 tháng 5 năm 2025, theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án chào bán 7.135.000 cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn chủ sở hữu.

Việc chào bán trên đã được hoàn thành vào ngày 25 tháng 7 năm 2025 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành là 7.135.000 cổ phiếu, và mức giá phát hành là 30.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 321.799.990.000 VND lên thành 393.149.990.000 VND, và phát sinh khoản thặng dư vốn cổ phần là 142.379.000.000 VND. Việc phát hành cổ phần này được chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước tại Thông báo số 3991/UBCK-QLCB vào ngày 1 tháng 8 năm 2025.

Vào ngày 13 tháng 8 năm 2025, Công ty đã được Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 21 cho việc tăng vốn nói trên.

(iii) Vào ngày 15 tháng 10 năm 2025, theo Nghị quyết Số 15/2025/NQ-HĐQT, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua việc phát hành 3.931.499 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Việc phát hành trên đã được hoàn thành vào ngày 26 tháng 12 năm 2025 với tổng số cổ phiếu mới được phát hành là 3.931.472 cổ phiếu với mức giá phát hành là 10.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, vốn cổ phần đăng ký của Công ty tăng từ 393.149.990.000 VND lên thành 432.464.710.000 VND. Việc phát hành cổ phần này được chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tại Thông báo số 8711/UBCK-QLCB vào ngày 12 tháng 12 năm 2025.

Vào ngày 26 tháng 12 năm 2025, Công ty đã được Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp GCNDKDN điều chỉnh lần thứ 22 cho việc tăng vốn nói trên.

(iv) Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên Số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ.GCF ngày 10 tháng 4 năm 2025, cổ đông của công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông hiện hữu của công ty, tại tỷ lệ 16% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông (1.600 VND/ cổ phần). Vào ngày 4 tháng 6 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức nêu trên.

(v) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên Số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ.GCF ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Công ty, các cổ đông của Công ty đã thông qua mức trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty và các công ty con là 5% trên lợi nhuận sau thuế.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu năm	306.799.990.000	306.799.990.000
Vốn góp tăng trong năm	125.664.720.000	-
Số cuối năm	432.464.710.000	306.799.990.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố	51.487.998.400	-
Cổ tức đã trả	51.870.101.600	-

21.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Cổ phiếu được phép phát hành	43.246.471	30.679.999
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	43.246.471	30.679.999
Cổ phiếu phổ thông	*43.246.471*	*30.679.999*
Cổ phiếu đang lưu hành	43.246.471	30.679.999
Cổ phiếu phổ thông	*43.246.471*	*30.679.999*

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

21.4. *Lãi trên cổ phiếu*

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	*Năm trước*
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty *(VND)*	43.828.558.651	67.368.298.570
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi *(*)*	(6.184.778.718)	(6.949.670.820)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty *(VND)*	37.643.779.933	60.418.627.750
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm *(cổ phiếu)*	37.308.515	30.679.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**1.009**	**1.969**
Lãi suy giảm trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	**1.009**	**1.969**

(Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.4. *Lãi trên cổ phiếu* (tiếp theo)

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được điều chỉnh giảm để phản ánh khoản tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

22. DOANH THU

22.1 *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Doanh thu gộp	**694.943.376.761**	**589.880.868.866**
Doanh thu thuần từ bán thành phẩm	694.648.374.511	589.224.335.827
Doanh thu cung cấp dịch vụ	295.002.250	656.533.039
Các khoản giảm trừ doanh thu	**(5.882.938.651)**	**(11.196.113.659)**
Giảm giá hàng bán	(4.282.747.464)	(48.813.960)
Chiết khấu thương mại	(1.227.495.578)	(265.803.210)
Hàng bán bị trả lại	(372.695.609)	(10.881.496.489)
Doanh thu thuần	**689.060.438.110**	**578.684.755.207**
Trong đó:		
Doanh thu bán thành phẩm	*688.765.435.860*	*578.028.222.168*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*295.002.250*	*656.533.039*

22.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi tiền gửi và cho vay	3.051.350.598	453.643.858
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.761.888.232	2.395.549.372
TỔNG CỘNG	**5.813.238.830**	**2.849.193.230**

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Giá vốn thành phẩm đã bán	469.835.881.529	374.052.175.884
Giá vốn dịch vụ cung cấp	156.930.186	314.025.092
TỔNG CỘNG	**469.992.811.715**	**374.366.200.976**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Lãi vay	10.232.682.894	14.551.392.374
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	609.113.974	884.153.283
Khác	-	25.558.614
TỔNG CỘNG	**10.841.796.868**	**15.461.104.271**

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí bán hàng	**46.600.621.218**	**38.932.355.427**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.339.392.618	27.436.628.452
Chi phí xúc tiến thương mại	5.936.692.680	5.897.684.053
Chi phí nhân viên	5.402.762.129	4.298.111.426
Khác	1.921.773.791	1.299.931.496
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**90.730.785.816**	**67.160.367.358**
Chi phí nhân viên	31.340.648.046	24.072.375.501
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	31.927.733.775	22.643.875.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.237.043.533	13.932.505.362
Chi phí khấu hao và hao mòn	4.572.959.129	3.081.562.900
Khác	6.652.401.333	3.430.047.963
TỔNG CỘNG	**137.331.407.034**	**106.092.722.785**

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí mua nguyên vật liệu	437.388.895.371	351.931.832.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	55.413.050.251	47.266.817.867
Chi phí nhân công	36.743.410.175	28.370.486.927
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	31.927.733.775	22.643.875.632
Chi phí khấu hao và hao mòn		
(Thuyết minh số 12 và 13)	22.620.871.956	16.900.593.948
Chi phí khác	9.208.791.368	7.385.971.661
TỔNG CỘNG	**593.302.752.896**	**474.499.578.112**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Thu nhập khác	**1.653.818.760**	**508.007.074**
Thu nhập từ bồi thường vi phạm hợp đồng	1.404.562.392	-
Khác	249.256.368	508.007.074
Chi phí khác	**(15.401.310.789)**	**(364.766.628)**
Xóa sổ tài sản	(15.179.529.197)	-
Chi phí khác	(221.781.592)	(364.766.628)
(LỖ) LỢI NHUẬN KHÁC	**(13.747.492.029)**	**143.240.446**

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con thành lập tại Việt Nam là 20% thu nhập chịu thuế.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng cho các hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thực phẩm Cánh Đồng Việt là 17% thu nhập chịu thuế trong 10 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu được hưởng ưu đãi thuế (năm 2015) từ dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và theo mức thuế suất hiện hành trong các năm tiếp theo. Thu nhập từ các hoạt động khác được áp dụng mức thuế suất thông thường là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm	21.672.167.898	16.590.127.897
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	-	25.181.905
	21.672.167.898	16.615.309.802
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	5.097.401.090	5.450.180.153
TỔNG CỘNG	**26.769.568.988**	**22.065.489.955**

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	*Năm trước*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**62.983.520.630**	**85.831.793.327**
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	11.849.770.515	15.986.873.892
Điều chỉnh		
Chi phí không được trừ	4.889.585.679	463.760.693
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	1.066.364.829	948.715.109
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	-	25.181.905
Lỗ thuế năm trước chuyển sang	10.260.596.336	5.722.203.582
Lỗ thuế chưa được ghi nhận thuế hoãn lại	(1.371.973.617)	(1.044.191.046)
Khác	75.225.246	(37.054.180)
Chi phí thuế TNDN	**26.769.568.988**	**22.065.489.955**

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Tập đoàn khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 *Thuế thu nhập hoãn lại*

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả, cùng với các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất*	
	Số cuối năm	*Số đầu năm*	*Năm nay*	*Năm trước*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện	862.231.232	97.872.012	764.359.220	381.631.900
Ảnh hưởng do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	150.870.814	-	150.870.814	-
	1.013.102.046	***97.872.012***	***915.230.034***	***381.631.900***
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Các khoản dự phòng	(17.600.000.000)	(12.086.775.327)	(5.513.224.673)	(5,894,237,859)
Tiền thuê đất	(1.935.200.000)	(1.435.793.549)	(499.406.451)	62,425,806
Khác	52.302.985	52.302.985	-	-
	(19.482.897.015)	***(13.470.265.891)***	***(6.012.631.124)***	***(5.831.812.053)***

28.4 *Lỗ chuyển sang năm sau*

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 liên tục năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗ thuế lũy kế là 119.582.943.819 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 75.139.830.221 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ thuế*		*Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2025*	*Không được chuyển lỗ*	*Chưa chuyển lỗ vào ngày 31 tháng 12 năm 2025*
GCF						
2023	2028	6.859.868.083	(*)	(6.859.868.083)	-	-
SW						
2022	2027	11.005.482.341	(*)	-	-	11.005.482.341
2023	2028	23.786.495.957	(*)	-	-	23.786.495.957
2024	2029	33.487.983.840	(*)	-	-	33.487.983.840
2025	2030	51.302.981.681	(*)	-	-	51.302.981.681
TỔNG CỘNG		**126.442.811.902**		**(6.859.868.083)**	**-**	**119.582.943.819**

(*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty mẹ và các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lỗ thuế trị giá 119.582.943.819 VND do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan với Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Tập đoàn trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG	Công ty mẹ *(từ ngày 25 tháng 7 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Nước Giải khát Nhiệt đới Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Công ty trong cùng Tập đoàn *(từ ngày 25 tháng 7 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu	Công ty trong cùng Tập đoàn *(từ ngày 25 tháng 7 năm 2025)*
Công ty Cổ phần APIS	Công ty trong cùng Tập đoàn *(từ ngày 25 tháng 7 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Thủy sản Mũi Dinh	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Công ty có thành viên HĐQT là người đại diện pháp luật
Công ty Cổ phần Fesdy	Công ty có thành viên HĐQT là người đại diện pháp luật
Công ty TNHH Trang Trại Xanh Phú Hòa	Công ty liên quan với thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Văn Thứ	Chủ tịch HĐQT, Cổ đông lớn
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên HĐQT
Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên HĐQT
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên HĐQT *(đến ngày 11 tháng 4 năm 2025)* kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hoành Sử	Thành viên HĐQT *(đến ngày 11 tháng 4 năm 2025)*
Ông Lê Trí Thông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đồng Thị Nụ	Phó Tổng Giám đốc

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn trong năm với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Á Châu AIG	Cổ tức công bố	42.631.760.000	-
	Chi trả cổ tức	21.844.160.000	-
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Mua hàng hóa	47.003.365.885	23.078.116.140
	Cho vay	5.000.000.000	-
	Thanh toán khoản vay	5.000.000.000	-
	Bán hàng hóa	480.000.000	480.537.037
	Mua nguyên vật liệu	-	41.647.100
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Bán hàng hóa	4.138.770.000	5.624.567.500
	Mua hàng hóa	2.330.870.000	952.125.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn trong năm với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu	Mua hàng hóa	2.211.285.000	-
Công ty TNHH Trang Trại Xanh Phú Hòa	Mua hàng hóa	669.714.000	-
	Tạm ứng	518.546.900	29.439.081.200
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	Mua hàng hóa	801.614.286	-
	Bán hàng hóa	7.751.400	-
Công ty Cổ phần APIS	Bán hàng hóa	14.479.981	-
Ông Nguyễn Văn Thứ	Tạm ứng	137.249.172.188	122.099.894.023
	Thu hồi tạm ứng	135.427.464.709	107.528.732.695
	Cổ tức công bố	31.982.452.500	85.000.000
	Cổ tức chi trả	19.715.950.000	66.625.000
	Hoàn trả	665.869.812	8.111.035.253
	Góp vốn	412.510.000	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thu hồi tạm ứng	21.818.231.000	1.816.175.177
	Tạm ứng	21.780.000.000	1.502.966.027
	Cổ tức công bố	1.678.560.000	-
	Cổ tức chi trả	1.032.960.000	-
Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thu hồi tạm ứng	8.161.000.000	215.000.000
	Cổ tức chi trả	2.520.226.800	151.625.000
	Cổ tức công bố	2.439.476.800	85.000.000
	Tạm ứng	520.000.000	8.066.000.000
	Góp vốn điều lệ	201.000.000	165.000.000
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thu hồi tạm ứng	8.089.999.900	175.000.076
	Tạm ứng	189.999.976	8.075.000.000
Ông Nguyễn Thành Chung	Cổ tức công bố	3.269.479.200	-
	Cổ tức chi trả	2.011.987.200	-
Bà Nguyễn Thị Minh Tú	Cổ tức công bố	2.087.882.000	-
	Cổ tức chi trả	1.293.712.000	-
Ông Nguyễn Đức Thuận	Thu hồi tạm ứng	582.398.000	218.256.000
	Tạm ứng	210.000.000	618.256.000
	Cổ tức chi trả	93.297.600	87.000.000
	Cổ tức công bố	-	48.000.000

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	Bán hàng hóa	14.640.074.460	16.591.980.538
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Nông nghiệp Mũi Dinh	Bán hàng hóa	5.024.852.440	4.771.952.440
Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	Bán hàng hóa	765.450.000	-
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Bán hàng hóa	-	590.976.000
		20.430.376.900	**21.954.908.978**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Mua hàng hóa	1.153.997.104	1.244.007.533
Công ty TNHH Trang Trại Xanh Phú Hòa	Mua hàng hóa	545.560.350	-
		1.699.557.454	**1.244.007.533**
Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty TNHH Trang Trại Xanh Phú Hòa	Tạm ứng phát triển vùng nguyên liệu	29.245.560.350	29.439.081.200
Ông Nguyễn Văn Thứ	Tạm ứng	9.681.401.613	8.466.163.946
Bà Bùi Thị Mai Hiên	Tạm ứng	260.000.000	7.901.000.000
Ông Nguyễn Đức Thuận	Tạm ứng	-	400.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Tạm ứng	-	38.231.000
		39.186.961.963	**46.244.476.146**
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Hóa chất Á Châu		282.509.100	306.288.000

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Công ty TNHH An Hạnh Thông	Mua hàng hoá	1.967.197.350	-
Phải trả ngắn hạn khác			
Ông Nguyễn Văn Thử	Cổ tức phải trả	144.390.000	211.000.000
Bà Bùi Thị Mai Hiên	Cổ tức phải trả	72.242.400	85.000.000
Ông Nguyễn Đức Thuận	Cổ tức phải trả	49.104.000	87.000.000
		265.736.400	**383.000.000**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được trình bày như sau:

VND

Tên	*Chức vụ*	*Năm nay*	*Năm trước*
Hội đồng Quản trị			
Ông Nguyễn Văn Thử	Chủ tịch	781.132.500	782.970.647
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên	552.162.500	534.391.664
Bà Bùi Thị Mai Hiên	Thành viên	72.000.000	72.000.000
Bà Hà Thị Bích Vân	Thành viên	72.000.000	-
Ông Huỳnh Thanh Lâm	Thành viên	72.000.000	-
Ông Lê Hoành Sử	Thành viên *(miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)*	20.200.000	72.000.000
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Thành viên *(miễn nhiệm ngày 11 tháng 4 năm 2025)*	20.200.000	72.000.000
Ban Kiểm soát			
Ông Lê Thanh Duy	Trưởng Ban	97.777.774	106.333.328
Bà Nguyễn Minh Như Khanh	Thành viên	61.111.114	68.333.336
Ông Vũ Anh Tài	Thành viên	219.270.259	207.933.286
Ban Tổng Giám đốc			
Bà Bùi Thị Mai Hiên	Tổng Giám đốc	692.170.175	746.996.957
Ông Nguyễn Diệp Pháp	Phó Tổng Giám đốc	694.077.250	260.608.873
Ông Lê Trí Thông	Phó Tổng Giám đốc	684.785.628	736.863.812
Bà Đồng Thị Nụ	Phó Tổng Giám đốc	677.499.750	258.647.571
TỔNG CỘNG		**4.716.386.950**	**3.919.079.474**

30. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng và nhà kho theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Số cuối năm	*Số đầu năm*
Dưới 1 năm	3.066.203.504	2.919.720.000
Từ 1 đến 5 năm	3.438.228.656	1.786.400.000
Trên 5 năm	6.993.258.853	-
TỔNG CỘNG	**13.497.691.013**	**4.706.120.000**

31. PHÂN LOẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG CỦA NĂM TRƯỚC

Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính của năm nay. Chi tiết về các tài khoản bị ảnh hưởng như sau:

Khoản mục		*Số đầu năm (đã được trình bày trước đây)*	*Ảnh hưởng của phân loại*	*Số đầu năm (được trình bày lại)*
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT				
132	Ứng trước cho người bán	132.217.288.212	(115.069.600.000)	17.147.688.212
136	Phải thu ngắn hạn khác	33.640.680.089	115.069.600.000	148.710.280.089

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Đỗ Việt
Người lập/Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Thử
Chủ tịch

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

Người ký: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C
Cơ quan: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C
Thời gian ký: 20.04.2026 19:39:16 +07:00

Đồng Nai, ngày 20 tháng 04 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC THẨM G.C

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM G.C
GC food
MSDN: 3602503706

NGUYỄN VĂN THỨ



GC food
Safe Food - Happy Life

Địa chỉ: Lô V-2E, Đường số 11, KCN Hố Nai, Phường Hố Nai, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
SĐT: 08989920468
Website: www.gcfood.com.vn